



DAPHARCO



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
ANNUAL REPORT

**2019**



## NỘI DUNG

Báo cáo thường niên 2019

<b>1. Thông tin chung</b>	<b>7</b>
Quá trình hình thành phát triển	8
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	10
Định hướng phát triển	11
Sơ đồ cấu trúc tổ chức	12
<b>2. Tình hình hoạt động trong năm</b>	<b>14</b>
Định hướng phát triển	15
Tổ chức và nhân sự	16
Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án	18
Tình hình tài chính	19
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	20
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	21
Chính sách liên quan đến người lao động	22
<b>3. Báo cáo và đánh giá của ban Tổng giám đốc</b>	<b>23</b>
Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	24
Tình hình tài chính	25
Tình hình nợ phải trả	27
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	28
Kế hoạch phát triển trong năm tiếp theo	28
Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty	29
<b>4. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty</b>	<b>30</b>
<b>5. Quản trị Công ty</b>	<b>32</b>
Hội Đồng Quản trị	33
Ban kiểm soát	38
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát	39
<b>6. Báo cáo tài chính</b>	<b>41</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc	42
Ý kiến kiểm toán viên	44
Thuyết minh báo cáo tài chính 2019	52

# THÀNH TỰU NỔI BẬT NĂM 2019



## TOP 10 CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM UY TÍN 2019

Nhóm ngành phân phối, kinh doanh dược phẩm,  
trang thiết bị y tế

(Bảng xếp hạng do Công ty Cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam - Vietnam  
Report bình chọn)





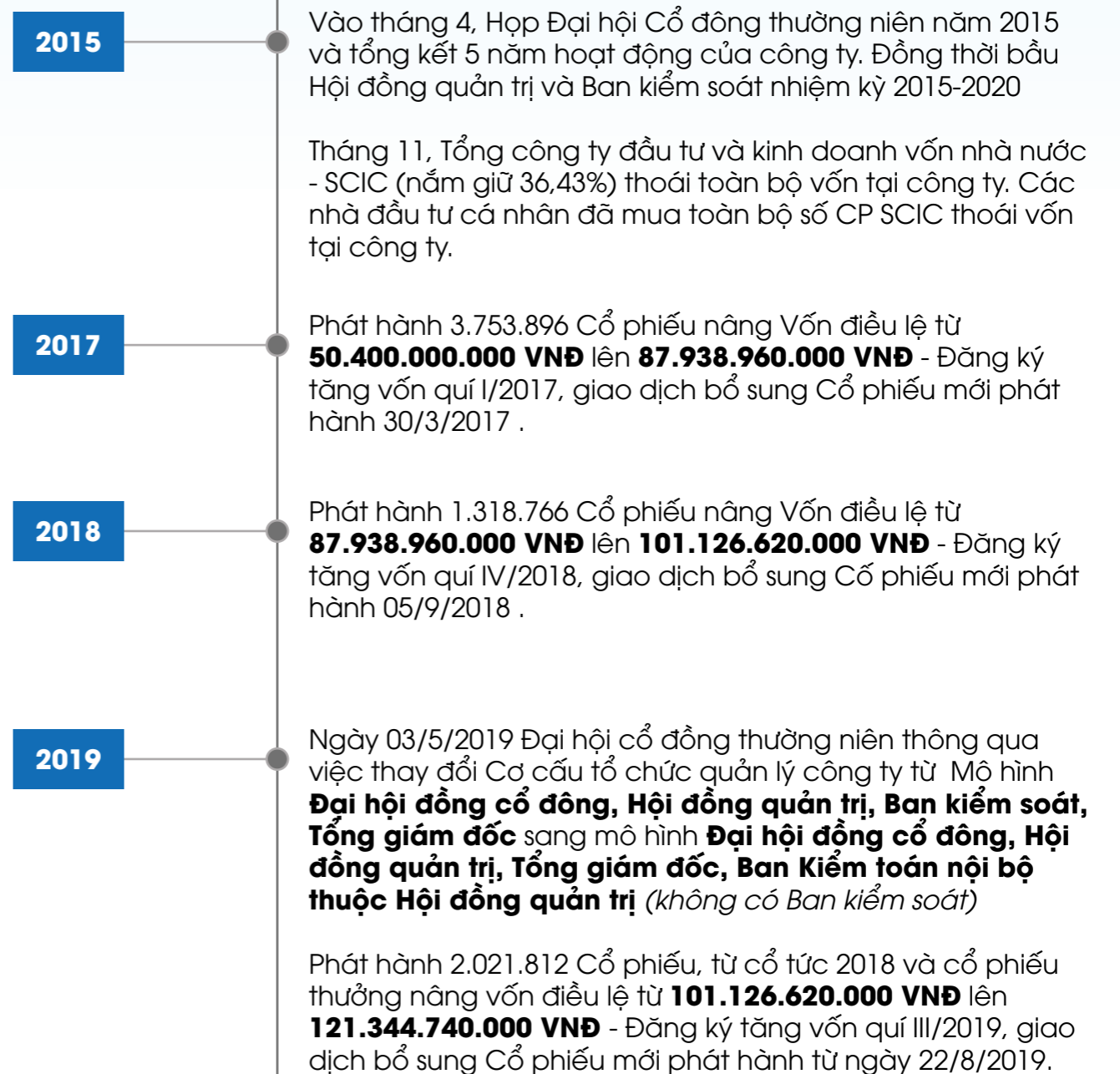
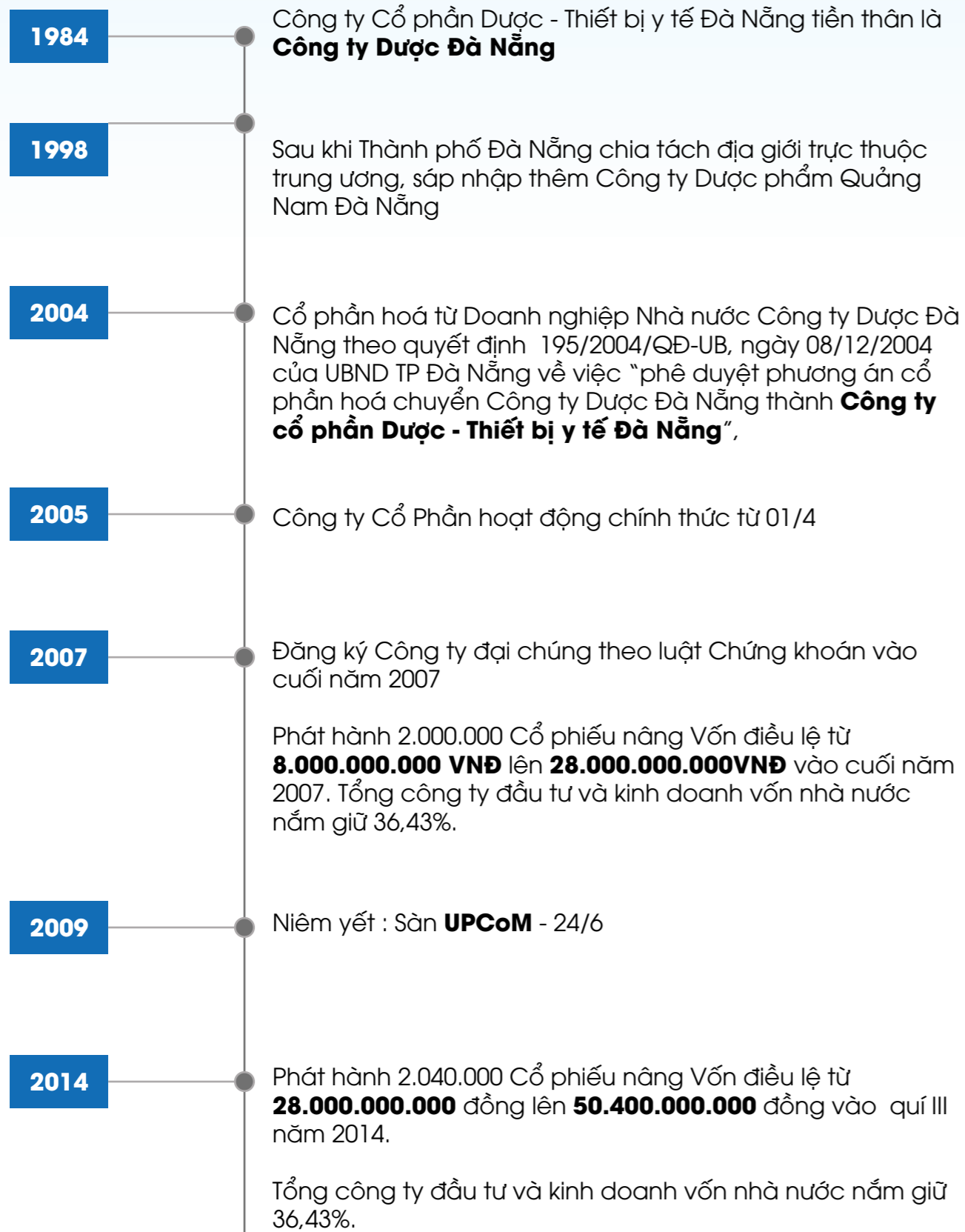
## THÔNG TIN CHUNG VỀ DAPHARCO

<b>Tên công ty:</b>	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG
<b>Tên tiếng Anh:</b>	Danang Pharmaceutical Medical Equipment Joint Stock Company
<b>Tên giao dịch:</b>	DAPHARCO
<b>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:</b>	0400101404
<b>Vốn điều lệ:</b>	121.344.740.000 đồng
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu:</b>	121.344.740.000 đồng
<b>Trụ sở chính:</b>	02 Phan Đình Phùng, Q. Hải Châu, Tp Đà Nẵng
<b>Số điện thoại:</b>	(0236) 3822247 - 3810735
<b>Số fax:</b>	(0236) 3891752
<b>Website:</b>	<a href="http://www.dapharco.com.vn">www.dapharco.com.vn</a>
<b>Mã cổ phiếu :</b>	DDN (UPCoM)

## THÔNG TIN CHUNG



## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



## NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH



### ĐỊA BÀN KINH DOANH CHÍNH:

- Đà Nẵng
- Quảng Nam
- Hồ Chí Minh
- Hà Nội

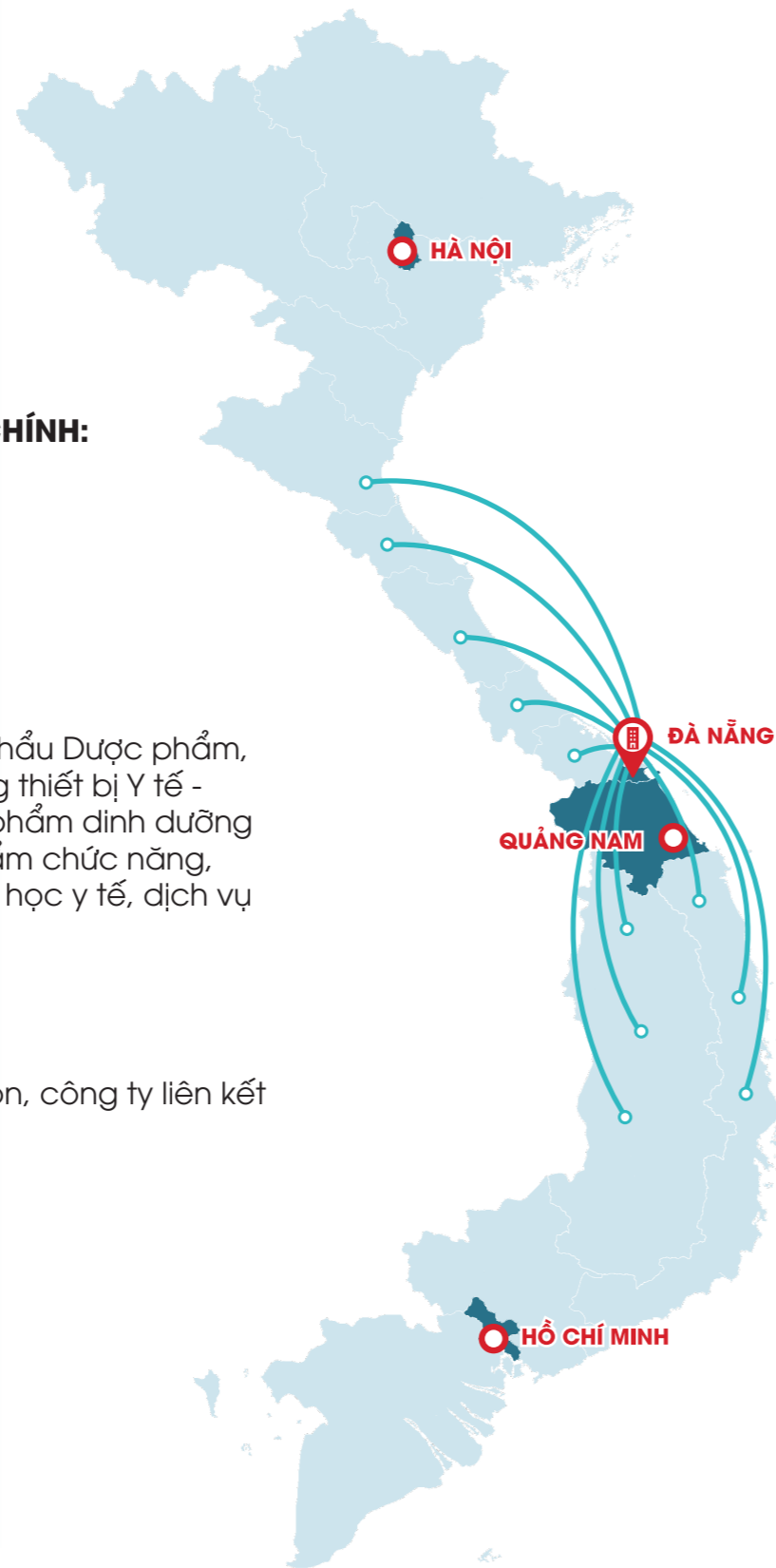


### LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG:

Kinh doanh - Xuất nhập khẩu Dược phẩm, dược liệu, hoá chất, trang thiết bị Y tế - Khoa học kỹ thuật, thực phẩm dinh dưỡng và phòng bệnh, thực phẩm chức năng, vaccin và chế phẩm sinh học y tế, dịch vụ kho bãi...



Không có các công ty con, công ty liên kết



## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

### Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Xây dựng Công ty trở thành nhà phân phối chuyên nghiệp, TOP đầu Doanh Nghiệp Dược Việt Nam về Xuất - Nhập khẩu và phân phối Dược phẩm - Thiết bị vật tư y tế.

- Trở thành trung tâm Logistic chuyên nghiệp và uy tín. Tạo nguồn hàng hóa chất lượng, giá cả phù hợp phục vụ ngày càng tốt hơn cho nhu cầu khám và chữa bệnh của nhân dân, trước tiên là tại Khu vực miền Trung - Tây Nguyên.

### Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Đầu tư đào tạo nhân lực,
- Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất đáp ứng cho mục tiêu phân phối chuyên nghiệp.
- Đầu tư sản xuất các mặt hàng vật tư tiêu hao có lợi thế cạnh tranh phục vụ nhu cầu các cơ sở khám chữa bệnh
- Đầu tư phát triển các sản phẩm tự

doanh độc quyền (Gia công, nhượng quyền, bao tiêu)

- Đầu tư phát triển Hệ thống nhà thuốc bán lẻ DapharcoBLU Pharmacy tại thị trường Đà Nẵng và cả nước.

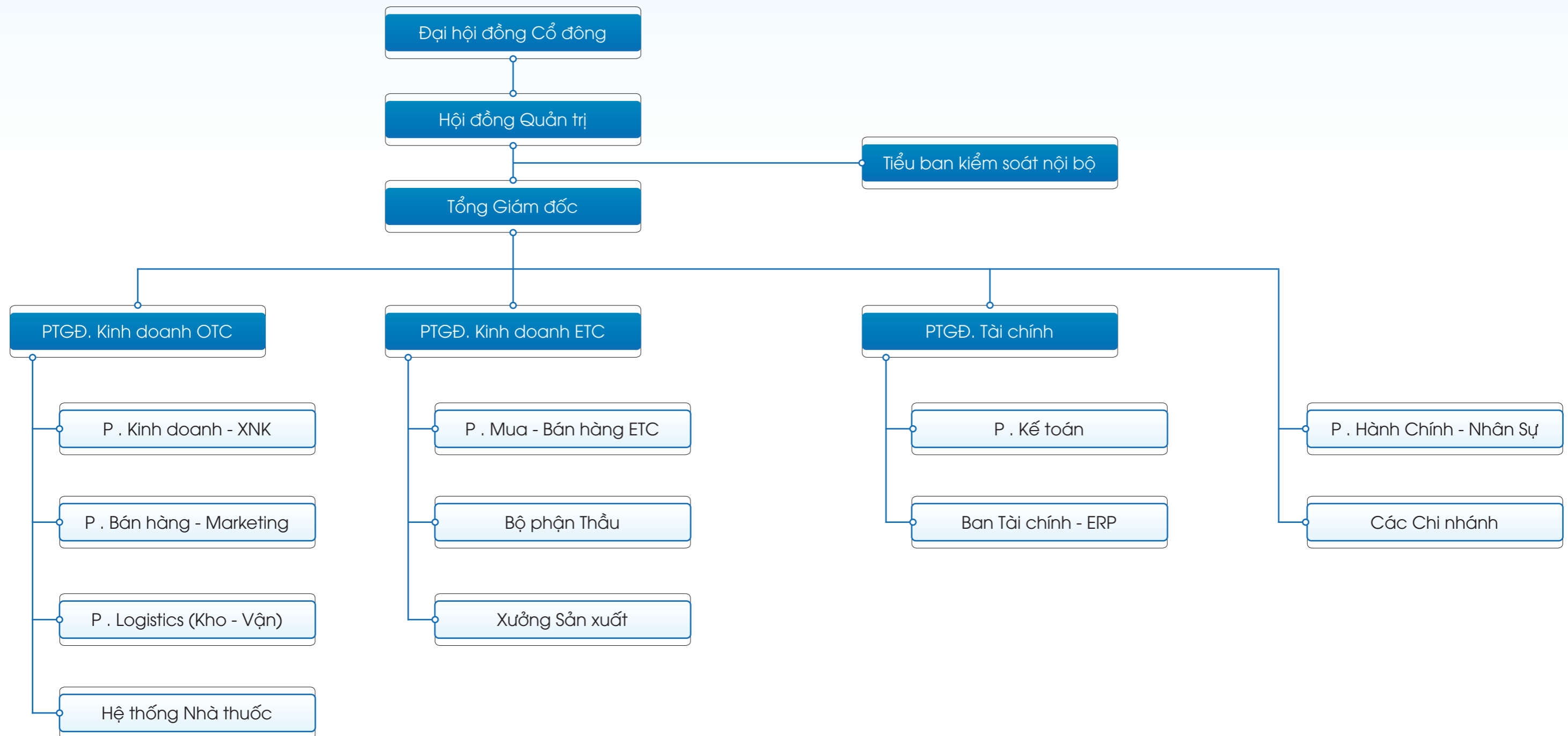
### Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

Đảm bảo thực hiện tốt các quy định về bảo vệ môi trường trong việc tiến hành Sản xuất Kinh Doanh, cam kết luôn có trách nhiệm với xã hội và cộng đồng trong hoạt động của công ty.

### CÁC RỦI RO:

Với sự cạnh tranh gay gắt của các Doanh nghiệp hoạt động cùng ngành nghề, cùng với sự thay đổi chính sách của Bộ y tế về cơ chế đấu thầu thuốc vào các cơ sở khám chữa bệnh đã và đang gây nhiều ảnh hưởng đến hoạt động Sản xuất Kinh doanh của Công ty, doanh thu, nhất là doanh thu cung ứng cho các cơ sở khám chữa bệnh giảm đáng kể.

## SƠ ĐỒ CẤU TRÚC TỔ CHỨC



## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm: Trong bối cảnh khó khăn của nền kinh tế cùng với sự cạnh tranh gay gắt trong cùng ngành, nhưng công ty vẫn phấn đấu vượt qua khó khăn, duy trì hoạt động, tiết kiệm chi phí để có được kết quả như sau :

- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ: 1.790,57 tỉ đồng
- Tổng lợi nhuận trước thuế: 21,85 tỉ đồng
- Lãi cơ bản/CP: 1.435 đồng

Chỉ tiêu	So sánh với kế hoạch			So sánh với năm 2018		
	Thực hiện	Kế hoạch	Tỉ lệ (%)	Năm 2019	Năm 2018	Tỉ lệ (%)
Tổng Doanh thu (tỉ đồng)	1.790,57	2.000,00	89,53	1.790,57	1.595,26	112,24
Lợi nhuận trước thuế (tỉ đồng)	21,85	23,00	95,00	21,85	20,23	108,01

Năm 2019 Công ty tiếp tục gặp rất nhiều khó khăn do tình hình cạnh tranh trong cùng ngành, đặc biệt là việc đấu thầu thuốc theo Thông tư và qui định của Bộ y tế tác động đến tình hình đấu thầu cung ứng cho bệnh viện, nhưng công ty đã nỗ lực khắc phục khó khăn tìm mọi biện pháp để ổn định hoạt động SXKD đảm bảo các chỉ tiêu chủ yếu tăng trưởng so với năm 2018.

Tổng doanh thu thuần năm 2019 tăng 12,24 % so với năm 2018 - đạt 89,53% so với kế hoạch.

Lợi nhuận trước thuế 2019 tăng 8,01% so với năm 2018 - đạt 95,00% so với kế hoạch.



## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### Ông TỐNG VIẾT PHẢI

Phó Chủ tịch HĐQT  
Tổng Giám đốc

Ngày sinh : 05/10/1959  
Quốc tịch : Việt Nam  
Trình độ chuyên môn: Dược sĩ chuyên khoa II  
Quá trình công tác:  
- Từ năm 1983 đến năm 1986 : Thượng úy, Phó Chủ nhiệm khoa dược quân y viện 21, Mặt trận 579 Campuchia  
- Tháng 4/1986 : Chuyển ngành về nhận công tác tại Công ty Dược Đà Nẵng  
- Tháng 01/1995 : Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh Công ty Dược Đà Nẵng  
- Tháng 4/1996 : Phó Giám đốc Công ty Dược Đà Nẵng  
- Tháng 4/2005 : Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Dược - Thiết bị y tế Đà Nẵng  
- Tháng 5/2011 đến nay : Tổng Giám đốc Công ty CP Dược - Thiết bị y tế Đà Nẵng  
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết : 0,42%

### Ông NGUYỄN HỮU CÔNG

UV HĐQT  
Phó Tổng giám đốc

Ngày sinh : 21/10/1961  
Quốc tịch : Việt Nam  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế  
Quá trình công tác:  
- Từ năm 1977 đến năm 1980 : Du kích cơ động truy quét Fulrô tại Đắc Lắc  
- Từ năm 1985 đến năm 1987 : Giáo viên Trường trung cấp Thống kê 3 Đà Nẵng  
- Từ 1988 đến năm 1990 : Kế toán Công ty Dược Đà Nẵng  
- Từ năm 1991 đến tháng 3/2005 : Kế toán trưởng Công ty Dược Đà Nẵng  
- Từ tháng 4/2005 đến tháng 4/2010 : Ủy viên HĐQT - Kế toán trưởng Công ty cổ phần Dược - Thiết bị y tế Đà Nẵng  
- Từ tháng 5/2010 đến tháng 9/2012 : Ủy viên HĐQT - Phó tổng giám đốc kiêm Kế toán trưởng Công ty cổ phần Dược - Thiết bị y tế Đà Nẵng.  
- Từ tháng 10/2012 đến nay : Ủy viên HĐQT - Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Dược - Thiết bị y tế Đà Nẵng.  
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết : 0,35%

### Ông VÕ ANH HÙNG

UV HĐQT  
Phó Tổng giám đốc

Ngày sinh : 08/3/1964  
Quốc tịch : Việt Nam  
Trình độ chuyên môn : Dược sĩ chuyên khoa II  
Quá trình công tác :  
- Từ 03/1987 đến 03/1991 Phó chủ nhiệm Hiệu thuốc cấp 3 Huyện Hiền, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng  
- Từ 03/1991 đến 12/1994 Phụ trách Cửa hàng số 1 Công ty Dược Đà Nẵng  
- Từ 01/1995 đến 1998 Cửa hàng trưởng Cửa hàng số 2 Công ty Dược Đà Nẵng  
- Từ 1998 đến 2005 : Giám đốc Trung tâm Dược phẩm 02 Phan Đình Phùng, Công ty Dược Đà Nẵng  
- Từ 2005 đến 04/2015 : Phó Phòng kinh doanh, - XNK kiêm Giám đốc Trung tâm Dược phẩm 02 Phan Đình Phùng, Giám đốc Trung tâm TBVT&VTTH thuộc Công ty CP Dược - Thiết bị y tế  
- Từ 04/2015 đến nay : Phó TGD kiêm Giám đốc Trung tâm Dược phẩm 02 Phan Đình Phùng, Giám đốc Trung tâm TBVT&VTTH thuộc Công ty CP Dược.  
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết : 0,29%

### Ông NGUYỄN CÔNG LÂM

UV HĐQT  
Phó Tổng giám đốc

Ngày sinh : 19/12/1976  
Quốc tịch : Việt Nam  
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ QTKD  
Quá trình công tác:  
- Từ năm 2006 đến năm 2010 : Floor Manager - Siêu thị Metro - Hải Phòng  
- Từ năm 2010 đến năm 2013 : Trưởng phòng giao dịch - Ngân hàng Bảo Việt Hải Phòng  
- Từ năm 2013 đến năm tháng 2017 : Giám đốc Siêu thị Trần Anh - Hải Phòng  
- Từ 2017 đến nay : Trưởng phòng kinh doanh - xuất nhập khẩu, Phó Tổng giám đốc Công ty CP Dược - Thiết bị y tế Đà Nẵng  
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết : Không

### Bà TRẦN THỊ ÁNH MINH

Kế toán trưởng

Ngày sinh : 23/02/1976  
Quốc tịch : Việt Nam  
Trình độ chuyên môn: Cử Nhân kinh tế  
Quá trình công tác:  
- Tháng 11/1998 đến tháng 3/2005 nhân viên phòng kế toán tài vụ Công ty Dược Đà Nẵng  
- Tháng 04/2005 đến tháng 9/2012 nhân viên phòng kế toán tài vụ Công ty cổ phần Dược - Thiết bị y tế Đà Nẵng  
- Tháng 10/2012 đến nay : Kế toán trưởng Công ty cổ phần Dược - Thiết bị y tế Đà Nẵng  
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết : 0,13%

Những thay đổi trong ban điều hành  
- Ông Trần Nhân Triết - Phó Tổng Giám đốc OTC nghỉ hưu tháng 01/2019  
- Ông Nguyễn Công Lâm - Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc OTC từ tháng 02/2019  
- Số lượng cán bộ, nhân viên, Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động (trang 22)

## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Các khoản đầu tư lớn : Thuê 9.000m<sup>2</sup> đất tại khu công nghiệp Hòa Cẩm - Đà Nẵng, Thời hạn thuê từ tháng 01/2019 đến tháng 8/2054, Tiền thuê đất: 8.019.000.000 đồng (đã thanh toán 1 lần năm 2019), Đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án nhà máy sản xuất và kho bảo quản thuốc. Dự kiến đầu tư 2 giai đoạn-

- Giai đoạn 1 : Kho GSP 2.300m<sup>2</sup>, đến cuối quý II/2021 đưa vào hoạt động.
- Giai đoạn 2: Nhà máy sản xuất Thực phẩm chức năng và kho GSP 1.500m<sup>2</sup>, đến đầu năm 2024 đưa vào hoạt động

Các công ty con, công ty liên kết: Không

## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2018 (đ)	Năm 2019 (đ)	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	886.826.316.629	940.683.604.547	6,07
Doanh thu thuần	1.595.255.748.101	1.790.586.905.353	12,26
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	18.322.988.529	20.820.550.453	13,63
Lợi nhuận khác	1.905.791.666	1.031.011.145	-45,90
Lợi nhuận trước thuế	20.228.780.195	21.851.561.598	8,02
Lợi nhuận sau thuế	15.868.100.710	17.407.791.902	9,70
Tỷ lệ trả cổ tức/vốn ĐL	15%	12%	-20,00

Tỷ lệ trả cổ tức năm 2019 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ 2019.

### Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần):	1,17	1,16	
Hệ số thanh toán nhanh (lần):	1,05	1,03	
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản (%)	81,84	81,22	
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (%)	450,55	432,50	
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
Vòng quay hàng tồn kho (lần):	18,06	18,36	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bq	1,73	1,96	
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	1,05	0,97	
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bq (%)	10,46	10,36	
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bq (%)	1,82	1,91	
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (%)	1,49	1,16	



## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU (31/12/2019)

### CỔ PHẦN:

Tổng số Cổ phiếu đang lưu hành:	12.134.474 Cổ phiếu
Loại Cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Số Cổ phiếu chuyển nhượng tự do:	12.134.474 Cổ phiếu
Số Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng:	Không

### CƠ CẤU CỔ ĐÔNG: Cơ cấu theo sở hữu

Cơ cấu cổ đông	Số lượng	Cổ Phiếu sở hữu	Tỷ lệ (%)
Cổ đông lớn	03	7.672.293	63,25
Cổ đông nhỏ	721	4.462.181	36,74
Cổ đông tổ chức	04	7.433.361	61,26
Cổ đông cá nhân	720	4.701.113	38,74
Cổ đông trong nước	721	12.111.464	99,81
Cổ đông nước ngoài	03	23.010	0,19
Cổ đông nhà nước	00	00	00
Cổ đông khác	724	12.134.474	100,00

### TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU:

- Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số **325/NQ-ĐHĐCĐ** ngày 03/05/2019, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ thực hiện 15% và phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu 5%.
- Ngày đăng ký cuối cùng: 28/06/2019
  - Ngày 3/7/2019: Công ty đã hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu trả cổ tức.
  - Số lượng cổ phiếu trước phát hành: 10.112.662 cổ phiếu
  - Số lượng đã phát hành: 2.021.812 cổ phiếu
  - Trong đó:
    - Cổ phiếu chi trả cổ tức: 1.516.543 cổ phiếu
    - Cổ phiếu phát hành thêm để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu: 505.269 cổ phiếu
  - Số lượng cổ phiếu sau phát hành: 12.134.474 cổ phiếu
  - Ngày 8/8/2019: Toàn bộ số lượng cổ phiếu phát hành đã được chấp thuận đăng ký tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.
  - Ngày 22/8/2019: Ngày giao dịch đầu tiên đối với cổ phiếu thay đổi đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.
  - Giao dịch cổ phiếu quỹ : Không
  - Các chứng khoán khác: Không

## BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

### QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU:

- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm :19.000 kg
- Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức : Không

### TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG:

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp : 550.000 KW/h điện
- Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả : Không
- Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này : Không

### TIÊU THỤ NƯỚC: (MỨC TIÊU THỤ NƯỚC CỦA CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG NĂM

- Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng :  
 Nguồn cung cấp : Nước sinh hoạt của Thành phố - Công ty cấp nước thành phố Đà Nẵng  
 Lượng nước sử dụng : 2.000 m<sup>3</sup>
- Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng : Không

### TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường : Không

## CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

- Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.
  - Số lượng CBNV bình quân : 413 người
  - Lương bình quân/LĐ/tháng : 6.930.825 đồng
- Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/
  - + Công ty thực hiện chế độ làm việc 5,5 ngày/tuần, 08 giờ/ngày. Việc tổ chức làm thêm giờ đảm bảo về thời gian theo luật Lao động và được hưởng lương ngoài giờ theo qui định của Pháp luật nhà nước.
  - + Quy chế trả lương, thưởng công khai, công bằng theo công việc và cống hiến cho công ty. Trả lương đúng kỳ hạn,
  - Thực hiện đầy đủ việc ký hợp đồng lao động cho toàn bộ CBNV, Định kỳ 1lần/năm xét nâng lương cho CBNV,
  - + Nộp đầy đủ, đúng hạn các loại bảo hiểm theo qui định, mua bảo hiểm tai nạn cho CBNV công tác có rủi ro cao, Hàng năm thực hiện khám sức khỏe cho toàn bộ lao động,
  - + Tổ chức Hội nghị người lao động năm 2018 theo qui định của Nhà nước,
- Hoạt động đào tạo người lao động: Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên.
  - + Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm cho NV bán hàng : 14 giờ
  - + Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm cho công nhân SX : 24 giờ
  - + Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm cho NV văn phòng : 20 giờ
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp : Thường xuyên quan tâm đến công tác đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn cho người lao động phục vụ tốt hơn cho công tác quản lý và hoạt động SXKD.

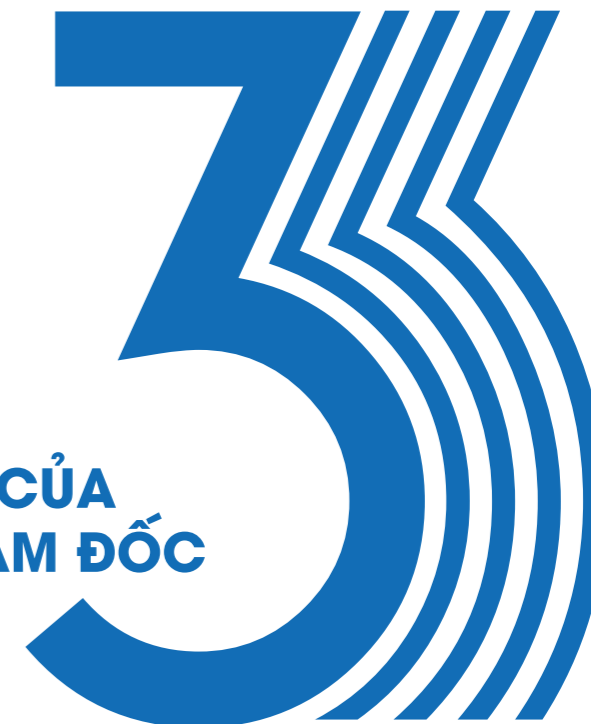
## BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG.

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: Tổng chi hỗ trợ 40 triệu đồng

## BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA UBCKNN

Không

## BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC





## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Mặc dù tiếp tục gặp rất nhiều khó khăn như hầu hết các DN cùng ngành, nhất là ảnh hưởng của cơ chế về đấu thầu vào cơ sở khám chữa bệnh của Bộ Y tế, làm cho doanh thu bán hàng nội địa cũng như doanh thu nhập khẩu giảm đáng kể, nhưng Công ty đã phấn đấu nỗ lực thực hiện tốt nhất nhiệm vụ tổ chức SXKD theo Nghị quyết ĐHĐCĐ 2019.

Tuy các chỉ tiêu cơ bản về doanh thu, lợi nhuận chưa đạt kế hoạch năm 2019 đề ra nhưng đều tăng trưởng so với năm 2018, Công ty đảm bảo 100% người lao động có việc làm, ổn định và tăng thu nhập cho người lao động, đảm bảo cổ tức theo kế hoạch; Thực hiện việc nộp ngân sách nhà nước các khoản liên quan đến chế độ người lao động như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế ... đầy đủ đúng hạn; Trúng thầu và cung ứng kịp thời đầy đủ thuốc, VTYT cho nhu cầu khám chữa bệnh tại Tp Đà Nẵng và miền Trung; Đảm bảo chất lượng thuốc cung ứng; Thực hiện tốt việc tổ chức phân phối các sản phẩm tự doanh, độc quyền.

### **Những tiến bộ công ty đã đạt được :**

- Chuyển đổi hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 sang ISO 9001:2015;
- Áp dụng có hiệu quả hệ thống phần mềm quản trị doanh nghiệp ERP.
- Top 10 Công ty dược phẩm uy tín Việt Nam 2019
- Thương hiệu công ty ngày càng được nhiều đối tác trong và ngoài nước và người tiêu dùng quan tâm biết đến.

## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### **TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

#### **Tình hình tài sản**

Tổng Tài sản đầu kỳ	886.826.316.629 đ
<i>Trong đó:</i>	
TS ngắn hạn	849.416.495.216 đ
TS dài hạn	37.409.821.413 đ
Tổng Tài sản cuối kỳ	940.683.604.547 đ
<i>Trong đó:</i>	
TS ngắn hạn	888.582.385.380 đ
TS dài hạn	52.101.219.167 đ

#### **Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản**

Tổng tài sản tăng	53.857.287.918 đồng
<i>Trong đó:</i>	
TS ngắn hạn tăng	39.165.890.164 đ
<i>Chủ yếu là do</i>	
Tiền và các khoản tương đương tăng	1.024.590.794 đ
Các khoản nợ phải thu về bán hàng tăng	38.316.220.510 đ
TS dài hạn tăng	14.691.397.754 đ

**Công ty luôn quan tâm đặc biệt đến công nợ trong quản lý** Sản xuất - Kinh doanh, có qui chế chặt chẽ về bán nợ và thu nợ bán hàng, hàng quý, tháng có đối chiếu 100% công nợ mua hàng, bán hàng. Công ty thường xuyên và kịp thời cập nhật, phân loại công nợ, trích lập dự phòng công nợ phải khó đòi đúng, đủ theo qui định.

## TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Trong năm 2019 tại công ty phát sinh khoản nợ xấu phải thu của Trung tâm DP Hải Châu trực thuộc công ty là 1.742.610.262 đ. Toàn bộ đã trích lập dự phòng đúng qui định.

Trả trước cho người bán ngắn hạn giảm 14.983.816.102 đ  
Hàng tồn kho tăng 14.730.061.988 đ

Nguyên nhân hàng tồn kho tăng là do cuối năm trị giá hàng trên đường đi (Hàng nhập khẩu) tăng 39.632.890.591đ. Nếu không tính trị giá hàng mua đang đi đường thì trị giá **hàng tồn kho thực tế tại công ty thời điểm cuối năm 2019 là 60.907.050.427đ, giảm so với đầu năm là 24.902.828.603đ**

- Tài sản ngắn hạn khác tăng: 423.998.842 đ

**- Tài sản dài hạn giảm so với đầu năm 14.691.397.754 đồng, chủ yếu là do:**

+ TSCĐ hữu hình giảm (1.291.694.454 đồng) chủ yếu tăng hao mòn lũy kế; Tài sản cố định vô hình giảm (126.930.728 đồng) là do tăng khấu hao phần mềm ERP.

+ Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tăng 8.249.639.636 chủ yếu là chi phí xây dựng văn phòng công ty tại 02 Phan Đình Phùng - Đà Nẵng.

+ Chi phí trả trước tăng 7.333.452.572 đ, do trả tiền thuê đất (9.000 m<sup>2</sup>) tại Khu công nghiệp Hòa Cầm, Đà Nẵng trong năm 2019 - đã trích chi phí thuê đất năm 2019.

### Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ.

Nợ phải trả gần như toàn bộ 100% là nợ phải trả ngắn hạn, chủ yếu là là nợ ngắn hạn phải trả cho người bán và vay ngắn hạn ngân hàng. Nợ phải trả cho người bán ngắn hạn luôn chiếm tỉ trọng 80% đến hơn 90% trên tổng nợ phải trả ngắn hạn, đây là đặc điểm về công nợ mua bán của ngành nghề kinh doanh thương mại và nhập khẩu Dược - Thiết bị y tế, tuy nhiên các khoản nợ ngắn hạn luân chuyển liên tục đúng thời gian nợ.

### Nợ phải trả ngắn hạn so với đầu năm tăng 36.449.496.016 đ, chủ yếu là do :

Phải trả cho người bán ngắn hạn tăng 94.614.543.058 đồng, Trong đó có khoản tăng 39.632.890.591 đồng do ghi nợ phải trả về hàng mua (nhập khẩu) đang đi đường.

Người mua trả trước ngắn hạn giảm (7.773.807.914 đồng);

Phải trả người lao động tăng 2.389.797.098 đồng; Thu nhập cuối năm 2018 chi trong năm 2019

### Vay ngắn hạn NH giảm (53.039.790.944 đồng).

Cũng như nợ phải trả ngắn hạn, trong lĩnh vực kinh doanh nhập khẩu Dược phẩm phải thu nợ ngắn hạn (chủ yếu là nợ bán hàng) luôn chiếm tỉ trọng lớn trong tài sản ngắn hạn - bình quân 70% đến 80%. Nợ phải thu ngắn hạn tăng 22.987.246.887 đồng chủ yếu là do tăng khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng.

### Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.

Công ty không phát sinh các khoản nợ phải trả xấu, các khoản nợ phải trả đều được thanh toán đúng hạn, theo thỏa thuận.

Trong năm việc biến động tỉ giá ngoại hối không ảnh hưởng lớn đến hiệu quả công ty do công ty đã có biện pháp khắc phục bằng cơ cấu giá bán phù hợp.

Lãi suất vay vốn ổn định so với năm 2018 nên không ảnh hưởng nhiều đến hiệu quả công ty.

## NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

- Thay đổi mô hình quản lý công ty phù hợp có hiệu quả hơn;
- Thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, giúp HĐQT tăng cường công tác quản trị công ty về mọi mặt;
- Thực hiện tái cơ cấu công ty về mặt tài chính và nhân sự - nội vụ;
- Bổ sung, sửa đổi một số quy chế quản lý, tăng cường công tác quản lý nội bộ Công ty,

### KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG NĂM TIẾP THEO

- Tiếp tục dự án tái cấu trúc theo sơ đồ tổ chức đã được HĐQT thông qua,
- Triển khai áp dụng đầy đủ Khung phân quyền và Raci - Thực hiện Quy chế tuân thủ việc phân quyền.
- Đấu thầu cung ứng thuốc và vật tư y tế: duy trì và mở rộng các đối tác, nhà sản xuất, nhà cung cấp và xây dựng phương án, kế hoạch đấu thầu cung ứng thuốc, vật tư y tế vào hệ thống bệnh viện cả nước phù hợp tình hình.
  - Xuất nhập khẩu thuốc: Củng cố 2 Chi nhánh Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh duy trì đối tác nhập khẩu, tăng cường tìm kiếm khách hàng mới, có những giải pháp linh hoạt tăng doanh thu nhập khẩu. Dapharco tiếp tục duy trì và phát triển là đối tác Xuất nhập khẩu uy tín tại Việt Nam.
  - Mở rộng kênh OTC, ETC tại chi nhánh HN, HCM tăng doanh thu kinh doanh trên toàn quốc: Tập trung hàng tự doanh Công ty.
  - Đẩy mạnh gia công, phân phối hàng tự doanh đã có nền tảng, tìm kiếm, mở rộng liên kết hợp tác với các Hãng Dược phẩm trong và ngoài nước phân phối độc quyền một số mặt hàng thuốc và thực phẩm chức năng cho khu vực và tiến tới cả nước.
- Tiếp tục đầu tư phát triển thêm các sản phẩm tự doanh hợp lý (Nhập khẩu, gia công, bao tiêu) để đẩy mạnh đấu thầu cung ứng vào hệ thống bệnh viện cả nước và phân phối kênh OTC.
  - Đầu tư xây dựng kho GSP mới tại Khu Công nghiệp Hòa Cầm đảm bảo có hệ thống Kho bảo quản hiện đại.
  - Đầu tư xây dựng và đào tạo hệ thống Logistics theo hướng chuyên nghiệp, Trung tâm Logistic (kho GSP) trở thành uy tín số 1 tại Miền Trung tây Nguyên.
  - Kênh phân phối sỉ, lẻ: Đánh giá, mở rộng hệ thống Chuỗi Nhà thuốc DapharcoBlu+/ BLU. Triển khai đổi mới phương thức hoạt động đối với Hệ thống Bán lẻ truyền thống. Xây dựng và hoàn thiện Bộ nhận dạng thương hiệu của hệ thống chuỗi bán lẻ công ty

Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không

## BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Công ty đã thực hiện tốt các cam kết về trách nhiệm đối với môi trường và xã hội.

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...): Công ty đã có nhiều quy định, biện pháp để sử dụng nước và năng lượng đúng mục đích và tiết kiệm. Đồng thời luôn quan tâm đến việc xử lý phát thải theo đúng qui định của pháp luật.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động; Công ty đã thực hiện tốt các chính sách đối với người lao động.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Công ty luôn ủng hộ các chủ trương chính sách của địa phương; Đóng góp đầy đủ các nghĩa vụ bắt buộc và luôn tự nguyện đóng góp nhiều khoản khác cho hoạt động của địa phương

## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



### 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2019 là năm vẫn còn tiếp tục khó khăn đối với cộng đồng DN Việt Nam nói chung và DN SXKD Dược nói riêng, nhất là lĩnh vực cung ứng thuốc vào các cơ sở khám chữa bệnh. Bên cạnh đó là sự cạnh tranh quyết liệt của các DN cùng ngành, sức mua giảm sút ảnh hưởng lớn đến hoạt động và hiệu quả của Công ty, đặc biệt qui định về đấu thầu thuốc của bộ y tế tiếp tục tác động làm doanh thu giảm đáng kể.

Tuy vậy, so với năm 2018, công ty đã có tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận đảm bảo việc làm và đời sống cho lao động, nâng cao được uy tín trên thị trường. Công tác quản trị, quản lý tài chính được tăng cường; Thực hiện đúng chế độ về quản lý vốn; Quản lý công nợ, quản lý thu chi, đảm bảo cân đối nguồn vốn cho các hoạt động SXKD Công ty. Nội bộ đoàn kết.

### 2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Hội đồng quản trị ghi nhận sự nỗ lực của Ban Tổng giám đốc trong việc tổ chức điều hành hoạt động và tổ chức quản lý tại công ty trong năm 2019. Mặc dù kế hoạch về doanh thu và lợi nhuận không đạt so với chỉ tiêu năm 2019 do ĐHĐCĐ thông qua, nhưng với tinh thần trách nhiệm cao, ứng phó kịp thời với chuyển biến của thị trường, đã điều hành hoạt động đem lại những kết quả khả quan cho Công ty, Doanh thu và lợi nhuận tăng trưởng so với năm 2018, đảm bảo việc làm cho người lao động, đảm bảo được cổ tức 2019 theo kế hoạch của Nghị quyết ĐHĐCĐ

Ban tổng giám đốc đã bám sát Nghị quyết ĐHĐCĐ 2019, NQHĐQT trong việc xây dựng kế hoạch và chỉ đạo điều hành hoạt động của công ty, bám sát thực hiện tái cấu trúc hoạt động tài chính và nhân sự nội vụ theo định hướng HĐQT.

Đã xem xét đánh giá hệ thống quy định, quy chế của Công ty, điều chỉnh, bổ sung hoàn thiện hệ thống hành lang pháp lý.

Việc điều hành hoạt động SXKD và quản lý công ty theo đúng pháp luật, Điều lệ công ty, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty, của cổ đông và người lao động.

### 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Tiếp tục định hướng hoạt động của Công ty theo Định hướng chiến lược gia đoạn 2018-2023. Bám sát tình hình thị trường để có định hướng cho hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ SXKD, quản trị hàng năm bên cạnh việc duy trì, phát triển bền vững của Công ty trong tương lai.



## QUẢN TRỊ CÔNG TY



## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Họ và Tên	Tỉ lệ CP có quyền biểu quyết (%)	TV điều hành/ không ĐH	SL chức danh nắm giữ ở TC khác	Ghi chú
Đỗ Thành Trung	00	Điều hành	03 chức vụ : - CT HĐQT kiêm TGD Công ty CP Megram; - CT HĐQT kiêm TGD Công ty CP Thực phẩm Lâm Đồng (Ladofood); - CT HĐQT công ty CP Biocont.	Chủ tịch HĐQT từ 21/01/2019
Đặng Văn Nam	0,40	Không điều hành	0	Thôi giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT từ 21/01/2019, Miễn nhiệm TV HĐQT ngày 03/5/2019
Tống Viết Phải	0,42	Điều hành	0	
Nguyễn Hữu Công	0,35	Điều hành	0	
Võ Anh Hùng	0,29	Điều hành	0	
Trần nhân Triết	0,39	Điều hành	0	Miễn nhiệm TV HĐQT ngày 03/5/2019
Nguyễn Quốc Định	00	Không điều hành	Chủ tịch Công ty CP Dược phẩm Imex-pharm	Miễn nhiệm TV HĐQT ngày 03/5/2019
Nguyễn Công Lâm	00	Điều hành	0	Bổ nhiệm TV HĐQT ngày 03/5/2019
Phạm Thu Hiền	00	Không điều hành	Phó Tổng Giám đốc công ty CP Megram Thành viên HĐQT CTCP Thực phẩm Lâm Đồng	Bổ nhiệm TV HĐQT ngày 03/5/2019
Đinh Thị Mộng Vân	00	Không điều hành	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Megram	Bổ nhiệm TV HĐQT ngày 03/5/2019

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 đã phê chuẩn việc từ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của ông Đặng Văn Nam, Trần Nhân Triết, Nguyễn Quốc Định và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị như sau:

- Ông Nguyễn Công Lâm
- Bà Phạm Thu Hiền
- Bà Đinh Thị Mộng Vân

#### **Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:**

Ban kiểm toán nội bộ, Tiểu ban Tài chính - ICT, Tiểu ban Nhân sự Nội vụ và Pháp chế, Tiểu ban Truyền thông và quan hệ công chúng, Tiểu ban kiểm soát

#### **Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

- Trong năm qua Hội đồng quản trị thực hiện việc giám sát đối với Ban Tổng Giám đốc tuân thủ đúng theo qui định Điều lệ Công ty; giám sát việc điều hành kinh doanh hằng ngày, HĐQT thực hiện theo một hoặc nhiều cách thức như:

+ Định kỳ hàng quý, HĐQT và ban điều hành họp trao đổi, thảo luận trực tiếp về kết quả hoạt động và kế hoạch các công việc trọng tâm của Công ty.

Qua các tài liệu báo cáo của Tổng Giám đốc về tiến độ thực hiện kế hoạch, những khó khăn, vướng mắc, thực trạng hoạt động của các đơn vị cơ sở, HĐQT phân tích nguyên nhân và đề xuất các giải pháp xử lý bằng văn bản gửi Ban Tổng Giám đốc hoặc trao đổi trực tiếp tại những cuộc họp Ban điều hành bất thường.

+ Chủ tịch HĐQT thường xuyên trao đổi với Tổng Giám đốc qua email, điện thoại về tình hình thực hiện chiến lược, kế hoạch kinh doanh, tình hình thực hiện các dự án, các biến động về tình hình SXKD để đưa ra định hướng hoạt động phù hợp với công ty và triển khai kế hoạch của ĐHCĐ, HĐQT đã phê duyệt.

+ Trên cơ sở đó, HĐQT đánh giá mức độ hiệu quả của Tổng Giám đốc trong hoạt động điều hành kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư đã được phê duyệt trong việc tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT.

- Các phiên họp của Hội đồng quản trị đã phân tích tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình điều hành của Ban Tổng Giám đốc với các cơ sở, đã đề ra những định hướng cần thiết cho việc tổ chức hoạt động trên các mặt công tác quan trọng của Công ty như: chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, lợi nhuận, việc sử dụng vốn chủ sở hữu, vốn vay theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; việc thực hiện pháp luật Nhà nước và các quy định của ngành; việc thực hiện quản lý sử dụng lao động và thực hiện các chế độ người

lao động.

- Hội đồng quản trị cũng thông qua Ban kiểm toán nội bộ để làm việc với Ban điều hành nhằm kiểm tra, đánh giá tình hình tài chính, tính tuân thủ, rủi ro của Công ty.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
01	03/2019/NQ-HĐQT	21/01/2019	Nghị quyết HĐQT về việc chấp thuận thôi đảm nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT của ông Đặng Văn Nam
02	04/2019/NQ-HĐQT	21/01/2019	Nghị quyết HĐQT về việc bổ nhiệm ông Đỗ Thành Trung giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT
03	05/2019/NQ-HĐQT	21/01/2019	Nghị quyết HĐQT về việc bổ nhiệm ông Nguyễn Công Lâm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc
04	08/2019/NQ-HĐQT	30/1/2019	Nghị quyết HĐQT về việc thay đổi người Phụ trách quản trị Công ty
05	10/2019/NQ-HĐQT	5/3/2019	Nghị quyết HĐQT về việc thông qua Quy chế hoạt động của HĐQT
06	11/2019/NQ-HĐQT	9/3/2019	NQ HĐQT về ngày tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên
07	16/2019/NQ-HĐQT	4/5/2019	NQ HĐQT về việc phân công nhiệm vụ thành viên HĐQT
08	21/2019/NQ-HĐQT	4/5/2019	NQ HĐQT về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức 2018 và phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
09	22/2019/NQ-HĐQT	4/5/2019	NQ HĐQT về việc thông qua phương án xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh trong đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2018 và phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
10	19/2019/NQ-HĐQT	16/5/2019	NQ HĐQT về việc bổ nhiệm lãnh đạo cấp trung
11	28/2019/BB-HĐQT	10/6/2019	BB HĐQT về kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh các tháng cuối năm
12	31/2019/NQ-HĐQT	9/7/2019	NQ HĐQT về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2019
13	32/2019/NQ-HĐQT	11/7/2019	NQ HĐQT về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
14	33/2019/NQ-HĐQT	15/7/2019	BB HĐQT về đánh giá kết quả hoạt động 6 tháng đầu năm 2019
15	33B/NQ-HĐQT	15/7/2019	NQ HĐQT về việc phê duyệt phương án vay vốn tại Pvcombank -CN Đà Nẵng
16	37/2019/BB-HĐQT	23/9/2019	BB Hợp HĐQT về việc vay vốn, bảo lãnh, mở thư tín dụng, chiết khấu (hạn mức tín dụng) tại NH TMCP Vietin - Chi nhánh Đà Nẵng
17	39/2019/NQ-HĐQT	30/9/2019	NQ hợp HĐQT về việc vay vốn, sử dụng tài sản làm biện pháp bảo đảm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - chi nhánh Sông Hàn
18	40A/2019/QĐ-HĐQT	4/10/2019	QĐ HĐQT về việc thành lập Tiểu ban trực thuộc HĐQT
19	41/2019/QĐ-HĐQT	4/10/2019	QĐ HĐQT về việc ban hành Khung phân quyền thực hiện chức năng tiểu ban HĐQT
20	48/2019/QĐ-HĐQT	31/10/2019	QĐ HĐQT về việc ban hành Quy chế tài chính của CTCP Dược Thiết bị Y tế Đà Nẵng
21	50/2019/NQ-HĐQT	25/11/2019	NQ HĐQT về việc bổ nhiệm PGD xưởng sản xuất
22	52/2019/NQ-HĐQT	30/12/2019	NQ HĐQT về việc thông qua chức năng nhiệm vụ các phòng ban, bộ phận công ty

#### Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị không điều hành :

Công ty có 02 thành viên HĐQT không điều hành đều tham gia đầy đủ và nắm bắt được nội các cuộc họp của HĐQT cũng như toàn bộ tình hình hoạt động và quản trị của Công ty, thực hiện các chế độ báo cáo bằng văn bản theo qui định.

#### Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị hoạt động từ tháng 5/2019. Ban làm việc theo điều lệ, quy chế, quy định của Công ty. Ban kiểm toán nội bộ đã tiếp xúc và làm việc với ban điều hành, bộ phận phòng ban liên quan để thu thập thông tin, đánh giá việc triển khai thực hiện nghị quyết HĐQT, ĐHCĐ, đánh giá hoạt động tài chính của Công ty, trao đổi hướng xử lý những vấn đề phát sinh cùng Hội đồng quản trị và Ban điều hành. Đồng thời giám sát việc triển khai các biện pháp xử lý của Ban điều hành.

Trong năm 2019, Hội đồng quản trị cũng đã thành lập các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị gồm:

- Tiểu ban Tài chính - ICT
  - + Thẩm định và theo dõi/ đánh giá kế hoạch ngân sách và kế hoạch tài chính cho Công ty, công ty con và Chi nhánh trực thuộc; kiểm soát đảm bảo tính trung thực hợp lý của báo cáo tài chính và an toàn tài sản cho hệ thống
  - + Đề xuất Hội đồng quản trị mục tiêu đối với Ban điều hành trong việc đảm bảo hành lang pháp lý phù hợp cho hệ thống kế toán và cơ chế phối hợp, vận hành trong Công ty
  - + Đề xuất Hội đồng quản trị mục tiêu xây dựng cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin của Công ty đảm bảo được việc áp dụng công nghệ thông tin trong quản trị hệ thống, giảm thiểu thực hiện thủ công và phương án tăng năng suất lao động của bộ máy thông qua ERP.
  - + Đề xuất các phương án đảm bảo an ninh mạng và bảo mật thông tin của Công ty
  - + Thực hiện giám sát/ đánh giá việc triển khai của Ban điều hành theo kế hoạch được Hội đồng quản trị phê duyệt
  - Tiểu ban Nhân sự nội vụ - Pháp Chế
  - + Đề xuất Hội đồng quản trị các mục tiêu trong quản trị nhân sự và công tác nội vụ tại Công ty nhằm mục đích quản trị bộ máy hiệu quả, tinh gọn, phát huy, phát triển nhân sự, phát triển văn hóa công ty, chuẩn hóa việc lưu trữ thông tin và quản lý hành chính. Thẩm định kế hoạch của Ban Điều hành thuộc mảng Nhân sự Nội vụ.
  - + Đề xuất mục tiêu quản lý các vấn đề pháp lý của Công ty đảm bảo tính quy chuẩn về quy cách hợp đồng và lợi ích của công ty, công ty con và chi nhánh trực thuộc công ty; tham mưu, tư vấn cho HĐQT về những vấn đề pháp lý liên quan đến hoạt động nội bộ, pháp luật lao động và pháp lý theo luật doanh nghiệp. Thực hiện giám sát, đánh giá rủi ro pháp lý của Công ty
  - + Giám sát/đánh giá đối với việc triển khai của Ban điều hành theo kế hoạch được Hội đồng quản trị phê duyệt
  - Tiểu ban Truyền thông và quan hệ công chúng
  - + Đề xuất, tham mưu HĐQT về mục tiêu, chiến lược truyền thông, marketing của Công ty. Thẩm định kế hoạch Marketing của Công ty; Thực hiện giám sát, đánh giá việc triển khai kế hoạch marketing được duyệt
  - Tiểu ban kiểm soát
  - + Thực hiện vai trò, chức năng kiểm tra, đánh giá, xác nhận và đưa ra ý kiến đảm bảo về (1) tính hiệu quả, hiệu lực của công tác quản lý rủi ro, hệ thống kiểm toán nội bộ; (2) tính trung thực, tin cậy và chất lượng của hệ thống thông tin, từ đó xác lập được các thông tin về tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty, các công ty con và chi nhánh trực thuộc
- Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:
- Các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc điều hành và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty. Tham gia chương trình đào tạo nâng cao năng lực quản trị Công ty.

## BAN KIỂM SOÁT

### Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Họ và Tên	Tỉ lệ CP có quyền biểu quyết (%)	Ghi chú
Nguyễn Thị Thanh Thúy	0,07	Trưởng ban
Nguyễn Ngọc Hồ	0,23	Thành viên
Nguyễn Thị Anh Xuân	00	Thành viên

### Hoạt động của Ban kiểm soát:

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty đã thông qua việc thay đổi cơ cấu quản trị kiểm soát, lựa chọn mô hình hoạt động không có ban kiểm soát mà chuyển mô hình Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị.

Theo đó, miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát từ ngày 03/5/2019.

## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

### Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Thù lao HĐQT chi năm 2019: **927.340.000 đồng**

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Thù lao/năm (đ)	Ghi chú
1	Đặng Văn Nam	CT HĐQT	33.340.000	Thôi CT HĐQT 21/01/2019
2	Đỗ Thành Trung	CT HĐQT	315.000.000	
3	Tống Viết Phải	Phó CT HĐQT	200.000.000	
4	Nguyễn Hữu Công	TV HĐQT	85.000.000	
5	Trần Nhân Triết	TV HĐQT	24.000.000	Miễn nhiệm 03/5/2019
6	Võ Anh Hùng	TV HĐQT	85.000.000	
7	Nguyễn Công Lâm	TV HĐQT	85.000.000	Bổ nhiệm 03/5/2019
8	Phạm Thu Hiền	TV HĐQT	50.000.000	Bổ nhiệm 03/5/2019
9	Đinh Thị Mộng Vân	TV HĐQT	50.000.000	Bổ nhiệm 03/5/2019
<b>Tổng cộng thù lao:</b>			<b>927.340.000</b>	

### Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	NGUYỄN THỊ HỒNG ÚT	Mẹ Đỗ Thành Trung	462.875	4,58	0	0	Bán cổ phiếu
2	CÔNG TY CỔ PHẦN MEGRAM	Đỗ Thành Trung	2.028.600	20,05	6.188.948	51	Mua cổ phiếu Nhận cổ tức bằng CP, CP thưởng



STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
3	TỔNG VIẾT PHẢI	Phó chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc	42.471	0,42	50.964	0,42	Nhận cổ tức bằng CP, CP thưởng
4	PHAN THỊ THÙY LINH	Vợ Tổng Viết Phải	33.061	0,33	39.673	0,33	Nhận cổ tức bằng CP, CP thưởng
5	TỔNG THỊ THU BA	Em ruột Tổng Viết Phải	4.829	0,05	5.792	0,05	Nhận cổ tức bằng CP, CP thưởng
6	TỔNG THỊ THANH VÂN	Em ruột Tổng Viết Phải	7.526	0,07	9.029	0,07	Nhận cổ tức bằng CP, CP thưởng
7	TỔNG THỊ HOÀNG LAN	Em ruột Tổng Viết Phải	683	0,01	819	0,01	Nhận cổ tức bằng CP, CP thưởng
8	NGUYỄN HỮU CÔNG	Ủy viên HĐQT, Phó TGĐ	35.375	0,35	42.449	0,35	Nhận cổ tức bằng CP, CP thưởng
9	LÊ THỊ LIÊN	Vợ Nguyễn Hữu Công	8.524	0,08	10.228	0,08	Nhận cổ tức bằng CP, CP thưởng
10	NGUYỄN THỊ THU SƯƠNG	Em gái Nguyễn Hữu Công	5.735	0,06	6.881	0,06	Nhận cổ tức bằng CP, CP thưởng
11	VÕ ANH HÙNG	Ủy viên HĐQT, Phó TGĐ	11.329	0,11	13.594	0,11	Nhận cổ tức bằng CP, CP thưởng
12	TRẦN THỊ THU HÀ	Vợ Võ Anh Hùng	5.433	0,05	6.518	0,05	Nhận cổ tức bằng CP, CP thưởng
13	VÕ DƯƠNG ĐÔNG HÀ	Em ruột Võ Anh Hùng	7.768	0,08	9.321	0,08	Nhận cổ tức bằng CP, CP thưởng
14	VÕ THỊ KIM LOAN	Em dâu Võ Anh Hùng	5.493	0,05	6.590	0,05	Nhận cổ tức bằng CP, CP thưởng
15	TRẦN THỊ ÁNH MINH	Kế toán trưởng	13.282	0,13	15.938	0,13	Nhận cổ tức bằng CP, CP thưởng

- Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ : Không

- Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Nhìn chung, Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý hiện tại là hợp lý, đáp ứng nhu cầu quản trị của Hội đồng quản trị, điều hành của Ban Tổng Giám đốc, và tổ chức hoạt động SXKD tại các đơn vị trực thuộc của Công ty.

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược - Thiết bị Y tế Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược - Thiết bị Y tế Đà Nẵng được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0400101404 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 22 tháng 03 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 27 tháng 08 năm 2019.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 02, Đường Phan Đình Phùng, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Đỗ Thành Trung	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 03/05/2019)
Ông: Đặng Văn Nam	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 19/04/2019)
Ông: Tống Viết Phải	Phó chủ tịch	
Ông: Võ Anh Hùng	Thành viên	
Ông: Nguyễn Hữu Công	Thành viên	
Bà: Phạm Thu Hiền	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 03/05/2019)
Ông: Nguyễn Công Lâm	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 03/05/2019)
Bà: Đinh Thị Mộng Vân	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 03/05/2019)
Ông: Nguyễn Quốc Định	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 24/04/2019)
Ông: Trần Nhân Triết	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 24/04/2019)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Tống Viết Phải	Tổng Giám đốc	
Ông: Nguyễn Hữu Công	Phó Tổng Giám đốc	
Ông: Nguyễn Công Lâm	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 03/05/2019)
Ông: Võ Anh Hùng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông: Trần Nhân Triết	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 01/01/2019)
Bà: Trần Thị Ánh Minh	Kế toán trưởng	

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm (\*):

Bà: Nguyễn Thị Thanh Thúy	Trưởng ban	(Miễn nhiệm ngày 03/05/2019)
Ông: Nguyễn Ngọc Hồ	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 03/05/2019)
Bà: Nguyễn Thị Anh Xuân	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 03/05/2019)

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 325/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03/05/2019, Công ty đã lựa chọn mô hình hoạt động không có Ban kiểm soát, mà lựa chọn mô hình Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị và do Thành viên Hội đồng quản trị độc lập làm trưởng ban.

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Tống Viết Phải**

Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 03 năm 2020

## Ý KIẾN KIỂM TOÁN

### CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASC

Số : 300320.011/BCTC.KT7

**Kính gửi : Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ Phần Dược - Thiết bị Y tế Đà Nẵng**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược Thiết bị Y tế Đà Nẵng được lập ngày 29 tháng 03 năm 2020, từ trang 06 đến trang 42, bao gồm : Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

#### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công

ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

#### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược Thiết bị Y tế Đà Nẵng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dược - Thiết bị y tế Đà Nẵng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính này tại ngày 30 tháng 03 năm 2019.



Cát Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 0725-2018-002-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2020

Nguyễn Ngọc Lân

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 1427-2018-002-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	Đã điều chỉnh VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>888,582,385,380</b>	<b>849,416,495,216</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>03</b>	<b>39,608,588,629</b>	<b>38,583,997,835</b>
111	1. Tiền		39,608,588,629	38,583,997,835
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>746,452,824,861</b>	<b>723,465,577,974</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	732,373,981,854	694,057,761,344
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	13,243,801,244	28,227,617,346
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	07	3,457,292,492	2,098,025,369
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(2,660,436,347)	(917,826,085)
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý		38,185,619	-
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>09</b>	<b>100,539,941,018</b>	<b>85,809,879,030</b>
141	1. Hàng tồn kho		100,539,941,018	85,809,879,030
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1,981,030,872</b>	<b>1,557,040,377</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	360,509,225	277,419,311
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1,395,266,212	1,042,330,227
	- Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ		1,395,266,212	1,042,330,227
	- Thuế GTGT được khấu trừ của TSCĐ		-	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	225,255,435	237,290,839
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>52,101,219,167</b>	<b>37,409,821,413</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>33,299,537,208</b>	<b>34,591,231,662</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	10,249,702,505	11,411,791,547
222	- Nguyên giá		23,526,704,567	23,399,773,839
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(13,277,002,062)	(11,987,982,292)
227	3. Tài sản cố định vô hình	12	23,049,834,703	23,179,440,115
228	- Nguyên giá		24,017,779,541	24,017,779,541
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(967,944,838)	(838,339,426)
<b>240</b>	<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>8,605,005,090</b>	<b>355,365,454</b>
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	8,605,005,090	355,365,454
<b>250</b>	<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>04</b>	<b>1,300,000,000</b>	<b>1,300,000,000</b>
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1,300,000,000	1,300,000,000
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>8,896,676,869</b>	<b>1,163,224,297</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	8,896,676,869	1,163,224,297
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>940,683,604,547</b>	<b>886,826,316,629</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019  
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	Đã điều chỉnh VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>764,029,280,856</b>	<b>727,579,784,840</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>763,975,580,856</b>	<b>727,526,084,840</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	699,726,783,335	605,112,240,277
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	19,437,037,908	27,210,845,822
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	2,094,418,839	2,315,808,821
314	4. Phải trả người lao động		2,971,149,051	581,351,953
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	290,293,768	489,622,572
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	1,319,333,600	431,631,488
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	37,540,649,355	90,580,440,299
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		595,915,000	804,143,608
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>53,700,000</b>	<b>53,700,000</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	53,700,000	53,700,000

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 03 năm 2020

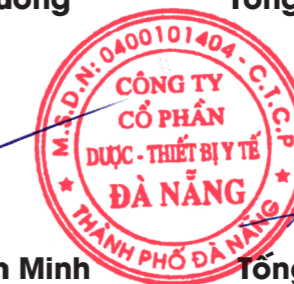
Người lập biểu

Ngô Thị Thu Thủy

Kế toán trưởng

Trần Thị Ánh Minh

Tổng giám đốc



Tổng Viết Phải



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019  
 (Tiếp theo)

<b>400</b>	<b>D.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>176,654,323,691</b>	<b>159,246,531,789</b>
<b>410</b>	<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20</b>	<b>176,654,323,691</b>
411	1.	Vốn góp của chủ sở hữu	121,344,740,000	101,126,620,000
412	2.	Thặng dư vốn cổ phần	9,215,548,634	14,268,238,634
414	3.	Vốn khác của chủ sở hữu	2,334,190,178	2,334,190,178
418	4.	Quỹ đầu tư phát triển	25,644,628,267	25,644,628,267
421	5.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	18,115,216,612	15,872,854,710
421a		LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	707,424,710	4,754,000
421b		LNST chưa phân phối năm nay	17,407,791,902	15,868,100,710
<b>440</b>		<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>940,683,604,547</b>	<b>886,826,316,629</b>

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu

Ngô Thị Thu Thủy

Kế toán trưởng

Trần Thị Ánh Minh

Tổng giám đốc



Tống Viết Phải

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2019**

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019		Năm 2018	
			VND		VND	
<b>01</b>	<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>22</b>	<b>1,797,567,123,003</b>	<b>1,597,223,578,857</b>		
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23	6,998,217,650	1,967,830,756		
<b>10</b>	<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>24</b>	<b>1,790,568,905,353</b>	<b>1,595,255,748,101</b>		
<b>11</b>	<b>4. Giá vốn hàng bán</b>	<b>632</b>	<b>25</b>	<b>1,710,312,043,005</b>	<b>1,511,692,695,010</b>	
<b>20</b>	<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>			<b>80,256,862,348</b>	<b>83,563,053,091</b>	
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	515	26	6,781,434,309	3,891,309,681	
22	7. Chi phí tài chính	635	27	6,896,738,132	14,378,924,694	
23	Trong đó: Chi phí lãi vay			5,266,241,306	7,317,307,490	
25	8. Chi phí bán hàng	641	28	46,443,594,804	44,411,692,098	
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	642	29	12,877,413,268	10,340,757,451	
<b>30</b>	<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>			<b>20,820,550,453</b>	<b>18,322,988,529</b>	
31	11. Thu nhập khác	711	30	1,757,866,664	4,012,776,222	
32	12. Chi phí khác	811	31	726,855,519	2,106,984,556	
<b>40</b>	<b>13. Lợi nhuận khác</b>			<b>1,031,011,145</b>	<b>1,905,791,666</b>	
<b>50</b>	<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>			<b>21,851,561,598</b>	<b>20,228,780,195</b>	
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	8211	32	4,443,769,696	4,360,679,485	
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	8212		-	-	
<b>60</b>	<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>17,407,791,902</b>	<b>15,868,100,710</b>	
<b>70</b>	<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>33</b>		<b>1,435</b>	<b>1,308</b>	

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu

Ngô Thị Thu Thủy

Kế toán trưởng

Trần Thị Ánh Minh

Tổng giám đốc



Tống Viết Phải

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ NĂM 2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>01</b>	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>21,851,561,598</b>	<b>20,228,780,195</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>		<b>7,500,256,923</b>	<b>5,643,836,194</b>
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		1,518,625,182	1,461,343,486
03	- Các khoản dự phòng		1,742,610,262	(1,226,620,303)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(131,338,119)	(1,455,440,050)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(895,881,708)	(452,754,429)
06	- Chi phí lãi vay		5,266,241,306	7,317,307,490
<b>08</b>	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>29,351,818,521</b>	<b>25,872,616,389</b>
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(25,070,757,730)	(41,110,704,632)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(14,730,061,988)	(4,255,593,733)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		90,423,960,336	38,541,460,295
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(7,816,542,486)	(828,118,598)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(5,465,570,110)	(7,367,904,113)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(4,840,679,487)	(3,849,301,602)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	25,390,000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(208,228,608)	(906,219,832)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>61,643,938,448</b>	<b>6,121,624,174</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(8,476,570,364)	(1,904,180,215)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		15,000,000	-
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		880,881,708	452,754,429
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(7,580,688,656)</b>	<b>(1,451,425,786)</b>

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ NĂM 2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		432,173,156,084	633,803,134,610
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(485,212,947,028)	(678,601,262,961)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(53,039,790,944)</b>	<b>(44,798,128,351)</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>1,023,458,848</b>	<b>(40,127,929,963)</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>		<b>38,583,997,835</b>	<b>78,727,691,975</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1,131,946	(15,764,177)
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>03</b>	<b>39,608,588,629</b>	<b>38,583,997,835</b>

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu

Ngô Thị Thu Thủy

Kế toán trưởng

Trần Thị Ánh Minh

Tổng giám đốc



Tổng Viết Phải

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2019

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược - Thiết bị Y tế Đà Nẵng được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0400101404 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 22 tháng 03 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 27 tháng 08 năm 2019.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 02, Đường Phan Đình Phùng, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 31/12/2019 là 121.344.740.000 đồng, tương đương với 12.134.474 cổ phần. Mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

### Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại dược phẩm, dược liệu, thành phẩm y học cổ truyền, vaccin, sinh phẩm y tế và trang thiết bị y tế.

### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh - Xuất nhập khẩu: Dược phẩm, dược liệu, hóa chất, trang thiết bị y tế và vật tư khoa học kỹ thuật, thực phẩm dinh dưỡng và phòng bệnh, vaccine và chế phẩm sinh học, hương xông muỗi, thuốc xịt muỗi, mắt kính, mỹ phẩm, sữa các loại, kẹo, nước bổ dưỡng có viatmine, nước khoáng, văn phòng phẩm;
- Sản xuất dược phẩm theo đúng danh mục cho phép của Bộ y tế;
- Chuyển giao công nghệ và dịch vụ kỹ thuật y tế, khoa học kỹ thuật: giao nhận, lắp đặt, hướng dẫn sử dụng, bảo hành, bảo trì, sửa chữa trang thiết bị y tế và khoa học kỹ thuật;
- Dịch vụ cho thuê: văn phòng, kho bãi.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2019, Công ty ký được nhiều hợp đồng lớn. Đồng thời, Công ty đẩy mạnh mở rộng hoạt động bán hàng và mở rộng địa bàn kinh doanh dẫn đến doanh thu thuần của Công ty tăng 12,24%, giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp tăng 13,14% và chi phí quản lý tăng so 20,20% với năm 2018, dẫn đến lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2019 tăng 9,79% so với năm 2018.

### Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Đơn vị trực thuộc:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Văn phòng Công ty	Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng	Phân phối dược phẩm
Trung tâm dược phẩm 02 Phan Đình Phùng (*)	Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng	Phân phối dược phẩm
Trung tâm Thiết bị Y tế và Vật tư tiêu hao (*)	Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng	Phân phối dược phẩm
Trung tâm Đông Dược (*)	Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng	Phân phối dược phẩm
Xưởng sản xuất (*)	Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng	Phân phối dược phẩm

### Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp theo)

Đơn vị trực thuộc:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Hiệu Thuốc Chuyên Doanh Dapharco 1,2 (*)	Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng	Phân phối dược phẩm
Trung tâm Dược phẩm Hòa Vang (*)	Huyện Hòa Vang, Thành phố Đà Nẵng	Phân phối dược phẩm
Trung tâm Dược phẩm Liên Chiểu (*)	Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng	Phân phối dược phẩm
Trung tâm Dược phẩm Hải Châu (*)	Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng	Phân phối dược phẩm
Cửa hàng Thiết bị y tế 182 Hùng Vương (*)	Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng	Phân phối dược phẩm
Kho GSP (*)	Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng	Phân phối dược phẩm
Chuỗi Nhà Thuốc DapharcoBLU+ (*)	Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng	Phân phối dược phẩm
Chi nhánh Hà Nội	Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội	Phân phối dược phẩm
Chi nhánh Hồ Chí Minh	Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh	Phân phối dược phẩm
Chi nhánh Quảng Nam	Thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam	Phân phối dược phẩm

(\*) Từ ngày 01/11/2019 các đơn vị trực thuộc sáp nhập vào văn phòng Công ty.

## 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### 2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở: tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.



Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ ... đã được loại trừ toàn bộ.

## 2.4. Công cụ tài chính

### Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## 2.5. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- + Khi mua bán ngoại tệ: Là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
  - + Khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
  - + Khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:
- + Đối với khoản mục phân loại là tài sản: Áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
  - + Đối với tiền gửi ngoại tệ: Áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
  - + Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: Áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

## 2.6. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

## 2.7. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau: Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

## 2.8. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ thời gian quá hạn nợ gốc và khả năng thu hồi của các khoản công nợ.

## 2.9. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Đối với các lô hàng nhập khẩu, thời điểm ghi nhận hàng tồn kho được xác định là thời điểm phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua theo các điều kiện giao nhận của Incoterm 2010.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng đối với các mặt hàng thông thường không bán theo lô và xác định theo phương pháp đích danh đối với các mặt hàng bán theo lô.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.



**2.10. Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 06 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 10 năm
- Các tài sản khác	03 năm
- Quyền sử dụng đất có thời hạn	50 năm
- Quyền sử dụng đất không thời hạn	Không trích khấu hao
- Phần mềm quản lý	03 - 10 năm

**2.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

**2.12. Thuê hoạt động**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**2.13. Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.14. Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**2.15. Các khoản vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**2.16. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**2.17. Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.18. Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**2.19. Doanh thu***Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Hiện nay, Công ty đang áp dụng chính sách ghi nhận doanh thu bán hàng đối với các hợp đồng Ủy thác nhập khẩu.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu cho thuê hoạt động*

Doanh thu cho thuê hoạt động chủ yếu bao gồm cho thuê kho lưu trữ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**2.20. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

**2.21. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

**2.22. Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.23. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

**2.24. Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

**2.25. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.26. Thông tin bộ phận**

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

Do công ty hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**3. TIỀN**

	31/12/2019	01/01/2019 Đã điều chỉnh
	VND	VND
Tiền mặt	62,715,191	889,324,570
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	39,545,873,438	37,694,673,265
	<b>39,608,588,629</b>	<b>38,583,997,835</b>

**4. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Dược Danapha	1,300,000,000		1,300,000,000	
	<b>1,300,000,000</b>	<b>-</b>	<b>1,300,000,000</b>	<b>-</b>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**Đầu tư vào đơn vị khác:** Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào đơn vị khác như sau:

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Dược Danapha	Thành phố Đà Nẵng	0.29%	0.29%	Sản xuất và kinh doanh dược phẩm

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2019		01/01/2019 Đã điều chỉnh	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>				
- Bệnh viện Đà Nẵng	30,604,191,419	-	32,140,820,212	
- Trung tâm Giám định Bảo hiểm Y tế và Thanh toán đa tuyến khu vực phía Bắc	36,730,148,700	-	-	
- Bệnh viện Trung ương Huế	6,717,020,690		31,383,476,075	
- Công ty TNHH Dược phẩm An Vương	1,035,516,681		15,740,137,028	
- Công ty TNHH Dược phẩm Minh Tiến	30,065,081,379		37,329,484,440	
- Công ty TNHH Dược phẩm Thủ Đô	19,576,219,825		24,136,575,337	
- Công ty TNHH Dược Thống Nhất	50,867,398,866		49,364,430,049	
- Công ty Cổ phần Thương mại Dược Hoàng Long	980,222,845	-	43,140,969,120	
- Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Nam Khang	73,687,854,955	-	54,778,231,302	
- Công ty Cổ phần Dược Phẩm Tân Phong	42,086,957,696	-	42,086,957,696	
- Công ty TNHH Một Thành Viên Đại Trung Sinh	20,489,436,211	-	22,763,273,068	
- Công ty TNHH Thương mại Hùng Phương	21,427,485,123	-	21,427,485,123	
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương CODUPHA	20,792,729,216	-	20,792,729,216	
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Quận 10 - Cửa hàng số 35	21,327,318,920	-	20,778,649,581	
- Các khoản phải thu khách hàng khác	355,986,399,328	(2,660,436,347)	278,194,543,097	(917,826,085)
	<b>732,373,981,854</b>	<b>(2,660,436,347)</b>	<b>694,057,761,344</b>	<b>(917,826,085)</b>

Tại ngày 31/12/2019, toàn bộ giá trị các khoản phải thu được cầm cố để làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng.

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2019		01/01/2019	
			Đã điều chỉnh	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Kaifeng Pharmaceutical (Group) Co.,Ltd	-	-	5,374,937,793	-
- ChongSong Corporation	-	-	14,241,873,807	-
- Matsun Nutrition Co., Ltd	1,613,911,494	-	-	-
- Inbiotech L.T.D	2,988,978,221	-	2,807,475,532	-
- Aurobindo Pharma Ltd	-	-	672,508,800	-
- Troikaa Pharmaceuticals Ltd	4,665,600,000	-	-	-
- Các khoản trả trước người bán khác	3,975,311,529	-	5,130,821,414	-
	<b>13,243,801,244</b>	<b>-</b>	<b>28,227,617,346</b>	<b>-</b>

**7. PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Phải thu người lao động	-	-	340,650,410	-
- Ký cược, ký quỹ	3,041,758,222	-	1,743,375,047	-
- Phải thu khác	415,534,270	-	13,999,912	-
	<b>3,457,292,492</b>	<b>-</b>	<b>2,098,025,369</b>	<b>-</b>

**8. NỢ XẤU**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	-	-	-	-
+ Công ty TNHH Nhà nước MTV Dược - Vật tư Y tế Quảng Ngãi	917,826,085	-	917,826,085	-
+ Trung tâm Dược phẩm Hải Châu	1,742,610,262	-	-	-
+ Bệnh viện Y Dược Cổ truyền Kon Tum	381,327,905	381,327,905	381,327,905	381,327,905
+ Các đối tượng khác	62,375,059	62,375,059	-	-
	<b>3,104,139,311</b>	<b>43,702,964</b>	<b>1,299,153,990</b>	<b>381,327,905</b>

**9. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Hàng mua đang đi đường	39,632,890,591	-	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	1,552,720,517	-	2,770,939,132	-
- Thành phẩm	666,331,561	-	593,352,963	-
- Hàng hóa	58,684,816,577	-	82,445,586,935	-
- Hàng gửi bán	3,181,772	-	-	-
	<b>100,539,941,018</b>	<b>-</b>	<b>85,809,879,030</b>	<b>-</b>

- Tại ngày 31/12/2019, toàn bộ giá trị hàng tồn kho được cầm cố để làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng.

**10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Xây dựng cơ bản	8,605,005,090	355,365,454
<i>Dự án xây dựng Trụ sở Văn phòng tại Số 02 Phan Đình Phùng và 70 Trần Phú (1)</i>	<i>8,605,005,090</i>	<i>355,365,454</i>
	<b>8,605,005,090</b>	<b>355,365,454</b>

(1): Dự án xây dựng Trụ sở Văn phòng tại Số 02 Phan Đình Phùng và 70 Trần Phú với các thông tin chi tiết sau:

+ Địa chỉ: Số 02 Phan Đình Phùng và 70 Trần Phú, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng;

+ Tổng mức đầu tư: 13.625.186.000 đồng;

+ Dự án bắt đầu triển khai từ tháng 12/2018 và dự kiến hoàn thành sau 330 ngày kể từ ngày khởi công;

+ Tiến độ thực hiện: Công trình đã được nghiệm thu và đưa vào sử dụng trong tháng 01 năm 2020.



**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		TSCĐ hữu hình khác		<b>Cộng</b>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
<b>Nguyên giá</b>									
Số dư đầu năm	16.419.924.078	799.875.701	4.735.409.021	679.518.247	765.046.792	23.399.773.839			
- Mua trong năm	-	-	226.930.728	-	-	226.930.728			
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(100.000.000)	-	-	(100.000.000)			
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>16.419.924.078</b>	<b>799.875.701</b>	<b>4.862.339.749</b>	<b>679.518.247</b>	<b>765.046.792</b>	<b>23.526.704.567</b>			
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>									
Số dư đầu năm	6.874.590.218	708.000.706	3.812.605.812	405.895.453	186.890.103	11.987.982.292			
- Khấu hao trong năm	916.751.122	25.833.336	233.961.788	77.277.012	135.196.512	1.389.019.770			
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(100.000.000)	-	-	(100.000.000)			
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>7.791.341.340</b>	<b>733.834.042</b>	<b>3.946.567.600</b>	<b>483.172.465</b>	<b>322.086.615</b>	<b>13.277.002.062</b>			
<b>Giá trị còn lại</b>									
Tại ngày đầu năm	9.545.333.860	91.874.995	922.803.209	273.622.794	578.156.689	11.411.791.547			
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>8.628.582.738</b>	<b>66.041.659</b>	<b>915.772.149</b>	<b>196.345.782</b>	<b>442.960.177</b>	<b>10.249.702.505</b>			

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 1.516.529.069 đồng.  
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 6.404.356.636 đồng

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất (*)	Chương trình phần mềm	<b>Cộng</b>
	VND	VND	
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	22.110.243.541	1.907.536.000	24.017.779.541
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>22.110.243.541</b>	<b>1.907.536.000</b>	<b>24.017.779.541</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	34.824.080	803.515.346	838.339.426
- Khấu hao trong năm	3.503.820	126.101.592	129.605.412
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>38.327.900</b>	<b>929.616.938</b>	<b>967.944.838</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	22.075.419.461	1.104.020.654	23.179.440.115
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>22.071.915.641</b>	<b>977.919.062</b>	<b>23.049.834.703</b>

(\*): Chi tiết một số lô đất lớn Công ty có quyền sử dụng đất như sau:

Địa chỉ lô đất	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Diện tích	Nguyên giá
Thửa đất tại Phường Hòa Thọ Đông, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng	GCN số AK280125 ngày 06/11/2007	665 m <sup>2</sup>	681.096.000
Thửa đất tại số 02 Phan Đình Phùng, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	GCN số AK280126 ngày 06/11/2007	121 m <sup>2</sup>	1.189.093.722
Căn hộ chung cư tại Tập thể Công ty Thủy Sản Trung Ương, 78 Láng Hạ, Hà Nội	GCN số 10109393119 ngày 29/09/2004	70 m <sup>2</sup>	734.318.500
Thửa đất tại Khối phố 03, phường An Sơn, Tam Kỳ, Quảng Nam	GCN số AL858217 ngày 19/06/2008	224 m <sup>2</sup>	612.620.350
Thửa đất tại số 06 Trần Quốc Toản, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	GCN số 3401011993 ngày 02/10/2002	401 m <sup>2</sup>	1.709.055.744
Thửa đất tại Phường Thanh Khê Đông, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng	GCN số BA599032 ngày 25/12/2009	2.935 m <sup>2</sup>	4.285.392.000
Các lô đất khác		332 m <sup>2</sup>	12.898.667.225
<b>Tổng Cộng</b>			<b>22.110.243.541</b>

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: **6.406.108.546 đồng**.

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: **738.656.000 đồng**.

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC****a) Ngắn hạn**

- Công cụ dụng cụ xuất dùng
- Chi phí thuê mặt bằng
- Các khoản khác

**b) Dài hạn**

- Công cụ dụng cụ xuất dùng
- Tiền thuê đất trả trước - Khu công nghiệp Hòa Cầm (\*)
- Chi phí sửa chữa
- Chi phí thuê mặt bằng
- Các khoản khác

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
	-	13.106.668
	259.280.000	250.040.000
	101.229.225	14.272.643
	<b>360.509.225</b>	<b>277.419.311</b>
	326.297.275	432.584.367
	7.793.620.573	-
	230.920.061	291.302.212
	160.000.000	400.000.000
	385.838.960	39.337.718
	<b>8.896.676.869</b>	<b>1.163.224.297</b>

(\*) Tiền thuê đất trả trước tại Khu Công nghiệp Hòa Cầm - Thành phố Đà Nẵng để phục vụ xây dựng nhà máy. Tại thời điểm 31/12/2019, thời gian thuê đất còn lại là 34 năm 7 tháng. Chi phí tiền thuê đất đã phân bổ vào chi phí trong năm 2019 là 225.379.427 đồng.

**14. VAY NGẮN HẠN**

	01/01/2019		Trong năm		31/12/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công Thương - Chi nhánh Đà Nẵng <sup>(1)</sup>	18.611.387.101	18.611.387.101	133.835.328.534	145.417.644.944	7.029.070.691	7.029.070.691
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sông Hàn <sup>(2)</sup>	31.137.207.988	31.137.207.988	99.201.790.993	124.554.066.196	5.784.932.785	5.784.932.785
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam <sup>(3)</sup>	14.212.702.231	14.212.702.231	140.296.334.081	147.519.468.621	6.989.567.691	6.989.567.691
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đà Nẵng	2.442.198.413	2.442.198.413	16.342.631.488	18.784.829.901	-	-
Vay cá nhân <sup>(4)</sup>	24.176.944.566	24.176.944.566	42.497.070.988	48.936.937.366	17.737.078.188	17.737.078.188
	<b>90.580.440.299</b>	<b>90.580.440.299</b>	<b>432.173.156.084</b>	<b>485.212.947.028</b>	<b>37.540.649.355</b>	<b>37.540.649.355</b>

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

(1) Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2019-HĐCVHM/NHC1480-DAPHARCO ký với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng ngày 30/09/2019 bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 đồng;

- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Thời hạn vay: 12 tháng;

- Lãi suất cho vay: Được xác định tại từng thời điểm giải ngân của từng món tiền vay;

- Phương thức bảo đảm khoản vay:

+ Thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất bao gồm Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 340101/1993 do UBND Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 02/10/2002 và tài sản gắn liền với đất tại số 06 Trần Quốc Toản, phường Hải Châu 1, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng;

+ Thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất gồm Quyền sử dụng đất số ADD 407831 do UBND Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 08/05/2006 và tài sản gắn liền với đất tại số 91 Trần Phú, phường Hải Châu 1, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng;

(3) Hợp đồng tín dụng số 1002-LAV-190051432 ký với Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng ngày 31/05/2019, bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 50.000.000.000 đồng;
  - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
  - Thời hạn vay: 12 tháng;
  - Lãi suất cho vay: Được xác định tại từng thời điểm giải ngân của từng món tiền vay;
  - Phương thức bảo đảm: Tín chấp;
  - Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2019 là 6.989.567.691 đồng.
- (4) Các khoản vay cán bộ công nhân viên bao gồm các điều khoản chi tiết sau:
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
  - Thời hạn vay: dưới 12 tháng tùy theo từng kế ước;
  - Lãi suất cho vay: 6%/năm;
  - Phương thức bảo đảm: Tín chấp;
  - Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2019 là 17.737.078.188 đồng.

+ Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền bao gồm Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AK 280126 do UBND TP Đà Nẵng cấp ngày 06/11/2007 và tài sản gắn liền với đất tại số 02, Phan Đình Phùng, phường Hải Châu 1, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng;

- + Thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất bao gồm Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 39 tờ bản đồ số 01 Khố phố 3, phường An Sơn, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam
- + Thế chấp Quyền sử dụng đất tại khu tập thể Công ty Thủy Sản trung Ương, 78 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội và tài sản gắn liền với đất tại Căn hộ chung cư tầng 2 với diện tích sử dụng 73m<sup>2</sup> tại thửa số 01a, tờ bản đồ số 6E-II-36;
- + Thế chấp toàn bộ hàng tồn kho và các khoản phải thu trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2019 là 7.029.070.691 đồng.

(2) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/7609338/HĐTD ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Sông Hàn ngày 18/11/2019 bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 70.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, mở bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Thời hạn vay: 12 tháng;
- Lãi suất cho vay: Được xác định tại từng thời điểm giải ngân của từng món tiền vay;
- Phương thức bảo đảm: Thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất bao gồm Quyền sử dụng đất đối với thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 280125 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 06/11/2007 và nhà trụ sở gắn liền với đất;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2019 là 5.784.932.785 đồng.

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
- Micro Lab Ltd	19.299.395.317	19.299.395.317	22.417.143.328	22.417.143.328
- Axon Drugs Private Ltd	9.875.576.081	9.875.576.081	14.248.575.520	14.248.575.520
- Daewoo Pharm Co., Ltd	28.302.141.626	28.302.141.626	28.302.141.626	28.302.141.626
- Egis Pharmaceuticals Private Limited Company (HN-EUR)	-	-	61.743.892.205	61.743.892.205
- Gelnova Laboratories Pvt Ltd	14.571.682.365	14.571.682.365	14.571.682.365	14.571.682.365
- Hwail Pharm Co., Ltd	21.873.343.190	21.873.343.190	10.124.821.411	10.124.821.411
- Mi Pharma Private Limited	85.222.855.058	85.222.855.058	24.822.212.371	24.822.212.371
- Pabianickie Zaklady Farmaceutyczne Polfa Spolka Akcyjna	-	-	35.410.040.725	35.410.040.725
- Shinpoong Pharmaceutical Co.,Ltd	13.784.834.700	13.784.834.700	13.784.834.700	13.784.834.700
- Ying Yuan Chemical	21.327.413.195	21.327.413.195	20.778.939.617	20.778.939.617
- Meyer Pharmaceutical	38.329.687.237	38.329.687.237	45.498.438.432	45.498.438.432
- Adamed Pharma S.A	20.870.893.017	20.870.893.017	-	-
- Growena Impex Company	73.911.588.711	73.911.588.711	17.612.416.744	17.612.416.744
- Phải trả các đối tượng khác	352.357.372.838	352.357.372.838	295.797.101.233	295.797.101.233
	<b>699.726.783.335</b>	<b>699.726.783.335</b>	<b>605.112.240.277</b>	<b>605.112.240.277</b>
<b>b) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>				
	<b>1.786.534.349</b>	<b>1.786.534.349</b>	<b>2.071.994.650</b>	<b>2.071.994.650</b>

**16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2019	Đã điều chỉnh 01/01/2019
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Dược Á Châu	-	14.079.493.915
- Công ty TNHH Đầu Tư Thương Mại Gia Định	6.795.326.132	-
- Công ty TNHH Dược Phẩm Thiên Ân	1.482.624.456	5.649.133.542
- Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm - Mỹ phẩm Hà Nội	712.152.000	2.959.555.147
- Công ty Cổ phần thương mại Dược phẩm Xanh	2.913.331.341	-
- Các khoản người mua trả tiền trước khác	7.533.603.979	4.522.663.218
	<b>19.437.037.908</b>	<b>27.210.845.822</b>

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	185.459.364	477.826.903	65.742.592.125	65.582.596.057	225.255.435	677.619.043
- Thuế xuất, nhập khẩu	51.831.475	-	12.165.281.630	12.113.450.155	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.534.189.966	4.443.769.696	4.840.679.487	-	1.137.280.175
- Thuế thu nhập cá nhân	-	303.791.952	646.061.270	670.333.601	-	279.519.621
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	-	489.207.416	489.207.416	-	-
- Phí và lệ phí khác	-	-	159.000.000	159.000.000	-	-
	<b>237.290.839</b>	<b>2.315.808.821</b>	<b>83.645.912.137</b>	<b>83.855.266.716</b>	<b>225.255.435</b>	<b>2.094.418.839</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	290.293.768	489.622.572
	<b>290.293.768</b>	<b>489.622.572</b>

**19. PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2019	Điều chỉnh lại 01/01/2019
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Kinh phí công đoàn	47.137.652	172.457.129
- Bảo hiểm xã hội	38.905.347	78.186.448
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	400.000	400.000
- Thù lao Hội đồng quản trị	897.000.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	335.890.601	180.587.911
	<b>1.319.333.600</b>	<b>431.631.488</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	53.700.000	53.700.000
	<b>53.700.000</b>	<b>53.700.000</b>



**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng	
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>87.938.960.000</b>	<b>14.268.238.634</b>	<b>2.334.190.178</b>	<b>22.060.127.387</b>	<b>17.658.257.768</b>	<b>144.259.773.967</b>	
Tăng vốn trong năm trước	13.187.660.000	-	-	-	-	13.187.660.000	
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	15.868.100.710	15.868.100.710	
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	3.584.500.880	(17.653.503.768)	(14.069.002.888)	
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>101.126.620.000</b>	<b>14.268.238.634</b>	<b>2.334.190.178</b>	<b>25.644.628.267</b>	<b>15.872.854.710</b>	<b>159.246.531.789</b>	
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>101.126.620.000</b>	<b>14.268.238.634</b>	<b>2.334.190.178</b>	<b>25.644.628.267</b>	<b>15.872.854.710</b>	<b>159.246.531.789</b>	
Tăng vốn trong năm nay	20.218.120.000	(5.052.690.000)	-	-	-	15.165.430.000	
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	17.407.791.902	17.407.791.902	
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(15.165.430.000)	(15.165.430.000)	
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>121.344.740.000</b>	<b>9.215.548.634</b>	<b>2.334.190.178</b>	<b>25.644.628.267</b>	<b>18.115.216.612</b>	<b>176.654.323.691</b>	

(\*) Theo Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 325/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03/05/2019, thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 101,1 tỷ lên 121 tỷ đồng, trong đó, trả cổ tức bằng cổ phiếu 15%, phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu là 5% với mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh. Ngày 03/07/2019, Công ty công bố kết quả phát hành cổ phiếu đã trả cổ tức là 1.516.543 cổ phần và phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn chủ sở hữu là 505.269 cổ phiếu. Ngày 12/08/2019, Ủy ban chứng khoán có công văn chấp thuận niêm yết bổ sung 2.201.812 cổ phiếu phát hành thêm của Công ty.

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Cuối năm VND	Tỷ lệ %	Đầu năm VND	Tỷ lệ %
Công ty Cổ phần Megram	61.889.490.000	51,00%	20.286.000.000	20,06%
Võ Thị Cẩm Thanh	-	0,00%	15.735.930.000	15,56%
Công ty Cổ phần Dược Danapha	8.694.000.000	7,16%	7.245.000.000	7,16%
Phạm Văn Trương	6.139.440.000	5,06%	5.116.200.000	5,06%
Cổ đông khác	44.621.810.000	36,77%	52.743.490.000	52,16%
	<b>121.344.740.000</b>	<b>100%</b>	<b>101.126.620.000</b>	<b>100%</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	101.126.620.000	87.938.960.000
- Vốn góp tăng trong năm	20.218.120.000	13.187.660.000
- Vốn góp cuối năm	121.344.740.000	101.126.620.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	400.000	400.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	15.165.430.000	17.653.503.768
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	15.165.430.000	17.653.503.768
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng cổ phiếu	15.165.430.000	17.653.503.768
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	15.165.430.000	17.653.503.768
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	400.000	400.000

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.134.474	10.112.662
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	12.134.474	10.112.662
- Cổ phiếu phổ thông	12.134.474	10.112.662
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.134.474	10.112.662
- Cổ phiếu phổ thông	12.134.474	10.112.662
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000	10.000

**e) Các quỹ của Công ty**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	25.644.628.267	25.644.628.267
	<b>25.644.628.267</b>	<b>25.644.628.267</b>

**21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG****a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại thành phố Đà Nẵng để sử dụng với mục đích xây dựng văn phòng làm việc và cửa hàng bán sản phẩm và kho chứa hàng. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

**b) Ngoại tệ các loại**

	Đơn vị tính	31/12/2019	01/01/2019
- Đô la Mỹ	USD	4.767,48	91.712,75
- Euro	EUR	1.173,88	315,79

**22. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
- Doanh thu bán hàng dược phẩm	1.618.005.353.159	1.444.772.355.207
- Doanh thu bán thiết bị vật tư y tế	179.561.769.844	152.451.223.650
	<b>1.797.567.123.003</b>	<b>1.597.223.578.857</b>

**23. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
- Chiết khấu thương mại	1.557.104.437	-
- Hàng bán bị trả lại	5.441.113.213	1.967.830.756
	<b>6.998.217.650</b>	<b>1.967.830.756</b>

**24. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
- Doanh thu bán hàng dược phẩm	1.611.091.194.113	1.444.772.355.207
- Doanh thu bán thiết bị vật tư y tế	179.477.711.240	150.483.392.894
	<b>1.790.568.905.353</b>	<b>1.595.255.748.101</b>

**25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa dược phẩm	1.545.815.965.238	1.371.940.367.438
Giá vốn của hàng hóa thiết bị y tế	164.496.077.767	139.752.327.572
	<b>1.710.312.043.005</b>	<b>1.511.692.695.010</b>

**26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	808.881.708	380.754.429
Cổ tức, lợi nhuận được chia	72.000.000	72.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	4.360.126.460	1.092.445.585
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	131.338.119	2.346.109.667
Lãi chậm thanh toán theo hợp đồng	1.121.344.649	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	287.743.373	-
	<b>6.781.434.309</b>	<b>3.891.309.681</b>

**27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền vay	5.266.241.306	7.317.307.490
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.630.496.826	6.170.947.587
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	890.669.617
	<b>6.896.738.132</b>	<b>14.378.924.694</b>

**28. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	-
Chi phí nhân công	27.265.422.829	28.370.420.422
Chi phí khấu hao tài sản cố định	856.505.548	1.022.515.962
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.592.533.474	2.170.214.100
Chi phí khác bằng tiền	<b>11.729.132.953</b>	<b>12.848.541.614</b>

**29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nhân công	7.322.646.638	7.049.999.333
Chi phí khấu hao tài sản cố định	653.643.158	438.827.527
Chi phí dự phòng	1.742.610.262	-
Thuế, phí, và lệ phí	545.843.684	22.555.807
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.457.114.468	2.708.260.051
Chi phí khác bằng tiền	155.555.058	121.114.733
	<b>12.877.413.268</b>	<b>10.340.757.451</b>

**30. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Tiền phạt thu được	140.255.244	124.191.671
Thu cho thuê kho, phí lưu kho	-	935.988.108
Nhập hàng khuyến mãi	1.507.991.015	1.145.479.467
Thu nhập khác	109.620.405	1.807.116.976
	<b>1.757.866.664</b>	<b>4.012.776.222</b>

**31. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Các khoản bị phạt	139.563.875	155.872.490
Xuất hàng khuyến mãi	386.870.739	1.803.234.191
Chi phí khác	200.420.905	147.877.875
	<b>726.855.519</b>	<b>2.106.984.556</b>

**32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	21.851.561.598	20.228.780.195
Các khoản điều chỉnh tăng	439.592.898	1.646.617.230
- Tiền phạt vi phạm hành chính	140.048.339	155.872.480
- Lương, thù lao của HĐQT không tham gia điều hành	170.790.000	666.631.266
- Lỗi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại tiền và phải thu gốc ngoại tệ cuối năm	128.754.559	824.113.484
Các khoản điều chỉnh giảm	(72.306.018)	(72.000.000)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(72.000.000)	(72.000.000)
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại tiền và phải thu gốc ngoại tệ cuối năm	(306.018)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	22.218.848.478	21.803.397.425
<b>Chi phí Thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>4.443.769.696</b>	<b>4.360.679.485</b>

Thuế TNDN phải nộp đầu năm  
Thuế TNDN đã nộp trong năm

1.534.189.966 1.022.812.083  
(4.840.679.487) (3.849.301.602)

**Thuế TNDN phải nộp cuối năm**

**1.137.280.175 1.534.189.966**

**33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	17.407.791.902	15.868.100.710
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	17.407.791.902	15.868.100.710
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	12.134.474	10.112.662
Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm (*)		2.021.812
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.435</b>	<b>1.308</b>

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019 số 325/NQ - ĐHCĐ ngày 03/05/2019, Công ty đã thông qua phương án phát hành thêm cổ phần để tăng vốn điều lệ lên 121 tỷ đồng. Trong đó, số lượng cổ phiếu phát hành để trả cổ tức là 1.516.899 cổ phiếu, số lượng cổ phiếu thưởng phát hành từ vốn chủ sở hữu là 505.633 cổ phiếu.

Thực hiện Nghị quyết này, Công ty đã công bố ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông hưởng quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt, nhận cổ tức bằng cổ phiếu là ngày 28/06/2019 và ngày giao dịch không hưởng quyền là ngày 27/06/2019.

Ngày 03/07/2019, Theo thông báo số 542/BC-CT về việc công bố số kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu thì số cổ phiếu phát hành bổ sung là 2.021.812 cổ phiếu.

Trong đó, cổ phiếu phát hành để chia cổ tức là 1.516.543 cổ phiếu, cổ phiếu phát hành để bổ sung vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu là 505.269 cổ phiếu. Tổng cổ phiếu có quyền biểu quyết hiện hành là 12.134.474 cổ phần. Do vậy, tổng số lượng cổ phiếu phát hành để trả cổ tức từ nguồn Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là: 2.021.812 cổ phần được tính bổ sung vào số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu là 2.021.812 cổ phần.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

**34. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.020.185.656	6.570.147.498
Chi phí nhân công	40.310.645.066	36.182.135.666
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.518.625.182	1.461.343.486
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.956.664.693	4.390.271.104
Chi phí khác bằng tiền	12.561.314.422	13850190602+3
	<b>69.367.435.019</b>	<b>48.603.897.754</b>

**35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	39.608.588.629	-	38.583.997.835	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	735.831.274.346	(2.660.436.347)	696.155.786.713	(917.826.085)
	<b>775.439.862.975</b>	<b>(2.660.436.347)</b>	<b>734.739.784.548</b>	<b>(917.826.085)</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	37.540.649.355	90.580.440.299
Phải trả người bán, phải trả khác	701.099.816.935	605.597.571.765
Chi phí phải trả	290.293.768	489.622.572
	<b>738.930.760.058</b>	<b>696.667.634.636</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	39.608.588.629	-	-	39.608.588.629
Phải thu khách hàng, phải thu khác	733.170.837.999	-	-	733.170.837.999
	<b>772.779.426.628</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>772.779.426.628</b>

**Tại ngày 01/01/2019**

Tiền và các khoản tương đương tiền	38.583.997.835	-	-	38.583.997.835
Phải thu khách hàng, phải thu khác	695.237.960.628	-	-	695.237.960.628
	<b>733.821.958.463</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>733.821.958.463</b>



**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ	37.540.649.355	-	-	37.540.649.355
Phải trả người bán, phải trả khác	701.046.116.935	53.700.000	-	701.099.816.935
Chi phí phải trả	290.293.768	-	-	290.293.768
	<b>738.877.060.058</b>	<b>53.700.000</b>	<b>-</b>	<b>738.930.760.058</b>
<b>Tại ngày 01/01/2019</b>				
Vay và nợ	90.580.440.299	-	-	90.580.440.299
Phải trả người bán, phải trả khác	605.543.871.765	53.700.000	-	605.597.571.765
Chi phí phải trả	489.622.572	-	-	489.622.572
	<b>696.613.934.636</b>	<b>53.700.000</b>	<b>-</b>	<b>696.667.634.636</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### 36. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm 2019	Năm 2018
<b>a) Số tiền đi vay thực thu trong năm</b>	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	432.173.156.084	633.803.134.610
<b>b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm</b>		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	485.212.947.028	678.601.262.961

**37. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

**38. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

	Kinh doanh được phẩm VND	Kinh doanh thiết bị y tế VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.611.091.194.113	179.477.711.240	1.790.568.905.353
<b>Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>65.275.228.875</b>	<b>14.981.633.473</b>	<b>80.256.862.348</b>
Tổng chi phí mua tài sản cố định	-	-	8.476.570.364
Tài sản không phân bổ	-	-	940.683.604.547
<b>Tổng tài sản</b>			<b>940.683.604.547</b>
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	764.029.280.856
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b>764.029.280.856</b>

**39. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Megram	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dược Danapha	Cổ đông lớn

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<b>Mua hàng hóa</b>		<b>6.467.088.242</b>	<b>4.875.303.610</b>
Công ty Cổ phần Dược Danapha	Cổ đông lớn	6.467.088.242	4.875.303.610
Công ty Cổ phần Megram	Công ty mẹ	80.686.667	-
Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:			
	Mối quan hệ	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>Phải trả cho người bán</b>		<b>1.786.534.349</b>	<b>2.071.994.650</b>
Công ty Cổ phần Dược Danapha	Cổ đông lớn	1.705.847.682	2.071.994.650
Công ty Cổ phần Megram	Công ty mẹ	80.686.667	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	633.337.360	607.720.306
Thu nhập của thành viên khác Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	2.203.692.176	1.869.793.110

#### 40. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TP.HCM kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được điều chỉnh cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay:

	Mã số	Phân loại lại	Đã trình bày trên báo cáo năm trước
		VND	VND
<b>a/ Bảng cân đối kế toán</b>			
- Tiền	111	38.583.997.835	38.576.577.858
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	694.057.761.344	694.326.169.684
- Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	28.227.617.346	18.342.920.091
- Thuế GTGT được khấu trừ	152	1.042.330.227	564.507.139
- Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	237.290.839	237.286.017
- Phải trả người bán ngắn hạn	311	605.112.240.277	595.227.542.028
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	27.210.845.822	27.471.834.184
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	2.315.808.821	1.837.981.920
- Phải trả ngắn hạn khác	319	431.631.488	485.331.489
- Phải trả dài hạn khác	337	53.700.000	-

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu



Ngô Thị Thu Thủy

Kế toán trưởng



Trần Thị Ánh Minh

Tổng giám đốc



Tổng Viết Phải

